

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

PHẠM THỊ TUYẾN

**ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

HÀ NỘI - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

PHẠM THỊ TUYẾN

**ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Chuyên ngành: Quản trị nhân lực

Mã số : 60340404

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. PHẠM THỊ LIÊN

HÀ NỘI - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Tác giả

Phạm Thị Tuyền

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT.....	IV
DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ.....	V
MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng, Phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Kết cấu của Luận văn.....	6
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN.....	7
1.1 . Một số khái niệm liên quan.....	7
1.1.1. Lao động nông thôn.....	7
1.1.2. Nghề.....	9
1.1.3. Đào tạo nghề.....	10
1.1.4. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	11
1.2 .Hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	13
1.2.1. Theo phương thức đào tạo.....	13
1.2.2. Theo mức độ truyền bá kiến thức nghề.....	15
1.2.3.Theo thời gian, nội dung chương trình đào tạo.....	16
1.3 Nội dung công tác đào tạo nghề.....	16
1.3.1. Tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn....	16
1.3.2 .Xác định nhu cầu, ngành nghề và đối tượng đào tạo.....	17
1.3.3 .Lựa chọn cơ sở dạy nghề tham gia dạy nghề.....	21
1.3.4 . Xây dựng chương trình và lựa chọn hình thức đào tạo.....	21
1.3.5 . Tổ chức đào tạo nghề.....	24

1.3.6 . Đánh giá hiệu quả đào tạo nghề.....	25
1.4 . Các yếu tố tác động đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	26
1.4.1 . Mạng lưới cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn.....	26
1.4.2 . Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo nghề.....	27
1.4.3. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề.....	27
1.4.4. Một số yếu tố khác	28
1.5 . Kinh nghiệm đào tạo nghề ở một số địa phương	30
1.5.1 . Kinh nghiệm của huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	30
1.5.2 . Kinh nghiệm của huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	31
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG	35
2.1. Tổng quan huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.....	35
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	35
2.1.2. Tình hình dân số và lao động.....	36
2.2. Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.....	42
2.2.1. Tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn....	42
2.2.2. Nhu cầu đào tạo nghề địa phương.....	44
2.2.3. Quy mô và cơ cấu ngành nghề đào tạo.....	47
2.2.4. Hình thức đào tạo	51
2.2.5. Tổ chức và quản lý đào tạo nghề huyện Hiệp Hòa.....	54
2.2.6. Kết quả đào tạo.....	54
2.2.7.Đánh giá hiệu quả đào tạo	57
2.3. Yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	64
2.3.1. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	64
2.3.2. Hệ thống Cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo nghề.....	66

2.3.3. Cán bộ quản lý và giáo viên năm 2014	69
2.3.4. Một số yếu tố khác	70
2.4. Đánh giá chung về thực trạng đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn huyện	73
2.4.1. Những mặt đạt được	73
2.4.2. Những tồn tại.....	75
CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.....	80
3.1. Quan điểm chỉ đạo và phương hướng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa	80
3.1.1. Các quan điểm chỉ đạo về phát triển đào tạo nghề trong giai đoạn 2010 – 2015 và tầm nhìn 2020	80
3.1.2. Phương hướng phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện	82
3.2. Giải pháp phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa	85
3.2.1 Đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về đào tạo nghề và xã hội hóa công tác dạy nghề	85
3.2.2. Xác định nhu cầu nguồn nhân lực theo cơ cấu nghề, trình độ đào tạo để từng bước đáp ứng nhu cầu cầu thị trường lao động	86
3.2.3. Hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp đào tạo, nâng cao trình độ năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên	87
3.2.4. Giải pháp đối với các loại hình đào tạo	92
3.2.5. Giải pháp đối với từng nhóm đối tượng lao động nông thôn	93
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	102

DANH MỤC VIẾT TẮT

CBQL	: Cán bộ quản lý
CĐ	: Cao đẳng
CHLB	: Cộng hòa liên bang
CNH-HĐH	: Công nghiệp hóa - hiện đại hóa
CSDN	: Cơ sở dạy nghề
DN	: Dạy nghề
ĐH	: Đại học
ĐT	: Đào tạo
GV	: Giáo viên
HĐND	: Hội đồng nhân dân
HNDN	: Hướng nghiệp dạy nghề
KH-KT	: Khoa học – Kỹ thuật
KT-XH	: Kinh tế - Xã hội
LĐT&XH	: Lao động thương binh và xã hội
MHĐT	: Mô hình đào tạo nghề
THCN	: Trung học chuyên nghiệp
THCS	: Trung học cơ sở
THPT	: Trung học phổ thông
TTDN	: Trung tâm dạy nghề
TTGDTX	: Trung tâm giáo dục thường xuyên
TW	: Trung ương
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 Hiện trạng sử dụng đất huyện Hiệp Hòa năm 2014.....	36
Bảng 2.2: Tình hình dân số Hiệp Hòa giai đoạn 2010-2014.....	37
Bảng 2.3: Giá trị sản xuất các ngành kinh tế của huyện năm 2010– 2014 (Theo giá cố định 1994).....	39
Bảng 2.4: Số lượng lao động nông thôn có nhu cầu học nghề Hiệp Hòa năm 2010-2014	44
Bảng 2.5. Nhu cầu lao động từ phía doanh nghiệp huyện Hiệp Hòa	46
Bảng 2.6. Kết quả đào nghề ngắn hạn tại TTDN huyện Hiệp Hòa	47
Bảng 2.7. Kết quả đào tạo nghề của TTDN huyện Hiệp Hòa.....	48
Bảng 2.8. Số lượng lao động nông thôn được đào tạo huyện Hiệp Hòa	54
Bảng 2.9. Cơ cấu lao động nông thôn được đào tạo nghề phân theo đối tượng	56
Bảng 2.10: Kết quả điều tra ý kiến người đăng ký học nghề tại 3 TTDN.....	57
Bảng 2.11: Kết quả điều tra ý kiến học viên đã học xong tại 3 TTDN.....	59
Bảng 2.12. Kết quả điều tra người học nghề tại 3 TTDN.....	60
Bảng 2.13: Kết quả điều tra ý kiến của GV và CBQL tại 3 TTDN.....	61
Bảng 2.14. Kết quả điều tra ý kiến cán bộ quản lý và giáo viên về MHĐTN	62
Bảng 2.15. Kết quả điều tra ý kiến của các DN sử dụng lao động.....	63
Bảng 2.16. Tình hình đầu tư về cơ sở vật chất của 3 TTDN.....	67
Bảng 2.17. Đội ngũ cán bộ, giáo viên tại 3 TTDN.....	68
Bảng 2.18: Kết quả điều tra năng lực GV và CBQL của 3 TTDN.....	69

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 2.1. Cơ cấu lao động phân theo trình độ huyện Hiệp Hoà năm 2014 ..	38
Hình 2.2: Quy trình đào tạo nguồn nhân lực tại các TTDN ở huyện	65
Hình 2.3: Sơ đồ phân cấp quản lý hệ thống các TTDN ở huyện Hiệp Hoà ..	66

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việt Nam là nước có nguồn nhân lực trẻ rất dồi dào và được xếp vào nhóm các nước có nền kinh tế tăng trưởng nhanh trong khu vực và trên thế giới. Nhu cầu sử dụng lao động kỹ thuật qua đào tạo ngày càng tăng. Theo dự báo đến năm 2020, lực lượng lao động ở Việt Nam có 27,5 triệu người được đào tạo nghề, trong đó khoảng 10 triệu lao động nông thôn; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 55%, trong đó 28%-30% có trình độ từ trung cấp nghề trở lên; khoảng 90% số người học nghề có việc làm và 70% có việc làm đúng với nghề được đào tạo

Huyện Hiệp Hòa là một huyện trung du thuộc tỉnh Bắc Giang. Theo quy hoạch của tỉnh dự kiến đến 2020 trên địa bàn huyện có 07 cụm công nghiệp với diện tích 594 ha. Với định hướng như vậy có thể thấy được kinh tế của Hiệp Hòa trong những năm tới sẽ có những thay đổi đáng kể. Tuy nhiên một thực tế đặt ra là đi theo việc các Cụm công nghiệp được xây dựng thì diện tích đất nông nghiệp sẽ bị thu hẹp kéo theo là ngày càng có nhiều hộ nông nghiệp bị mất đất sản xuất, phải tìm cách chuyển đổi lao động sang lĩnh vực phi nông nghiệp nên rất cần được hưởng chính sách ưu đãi về đào tạo nghề. Bên cạnh đó, chất lượng lao động ở nông thôn còn quá thấp đã làm cho thu nhập của người lao động không thể tăng nhanh; gây ra chênh lệch khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn ngày càng tăng. Chính vì vậy, đào tạo nghề cho lao động nông thôn không chỉ ở huyện Hiệp Hòa nói riêng mà trên cả nước nói chung đang là một yêu cầu cấp bách. Để giải quyết thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn nước ta, ngày 27-11-2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1956/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” (gọi tắt là Đề án 1956). Huyện Hiệp Hòa đã vận dụng tối đa các quy định của Nhà nước và

tính, từ năm 2010 huyện đã lập các chương trình dạy nghề và giải quyết việc làm theo từng giai đoạn. Bên cạnh đó, một số cơ sở dạy nghề vẫn còn thiếu về cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề còn cũ và lạc hậu đã ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo.

Trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế càng đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao và kỹ năng làm việc tốt thì câu chuyện giải quyết việc làm luôn là một bài toán khó, và càng khó hơn đối với lao động nông thôn. Mục tiêu của huyện Hiệp Hòa nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên từ 50% đến 60% năm 2020; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề lên 35% đến 40% năm 2020. Cho đến nay chưa có nghiên cứu nào liên quan đến công tác dạy nghề trên địa bàn huyện Hiệp Hòa. Vì vậy việc nghiên cứu, đánh giá đưa ra các giải pháp nhằm phát triển đào tạo nghề ở huyện Hiệp Hòa là rất cần thiết. Xuất phát từ thực tế này, tác giả đã chọn đề tài **“Đào tạo nghề cho Lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang”** cho luận văn Thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Tính đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến nội dung về việc làm và đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói chung và lao động nông thôn bị thu hồi đất nói riêng, cụ thể:

- Luận án Tiến sĩ: *“Giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống cho người lao động sau khi bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Nghệ An”* chuyên ngành kinh tế của Lê Thu Thảo, trường Đại học Đà Nẵng 2011. Trong nội dung luận văn tác giả đã làm rõ được một số vấn đề:

+ Hệ thống hóa cơ sở lý luận về giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống cho người lao động bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

+ Phân tích được mối quan hệ giữa giải quyết việc làm và bảo đảm đời sống cho người lao động với yêu cầu thu hồi đất phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

+ Nghiên cứu kinh nghiệm giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống cho người lao động bị thu hồi đất của một số địa phương và rút ra bài học kinh nghiệm đối với Nghệ An.

+ Phân tích thực trạng giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống cho người lao động sau khi bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở tỉnh Nghệ An từ năm 2001 đến nay, chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những hạn chế và nguyên nhân.

+ Đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm giải quyết có hiệu quả hơn vấn đề này ở tỉnh Nghệ An.

- Luận án Tiến sĩ, “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng Đồng bằng Sông Hồng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” của tác giả Nguyễn Văn Đại, trường Đại học Kinh tế Quốc dân 2012. Tác giả đã đánh giá một cách khách quan thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng Đồng bằng Sông Hồng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời chỉ ra những giải pháp để giải quyết khó khăn và đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn khu vực này.

- Tác giả Nguyễn Tiến Dũng, nguyên Tổng Cục trưởng Tổng cục dạy nghề, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, với bài viết: “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời kỳ hội nhập quốc tế*” đăng trên website của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Tác giả đã nêu ra một số kết quả bước đầu trong công tác đào tạo nghề cho lao động ở nước ta và đề cập đến một số hướng giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động. Những giải pháp mà tác giả đưa ra còn mang tính khái quát và chung chung. Bài viết

có tính tham khảo hữu hiệu cho những nghiên cứu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn từng địa phương cụ thể.

- Tác giả Tăng Minh Lộc, Phó Cục trưởng Cục ươm tể hợp tác và phát triển nông thôn, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, với bài viết: “*Thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Điều chỉnh lại cơ cấu lao động, cách dạy nghề*” đăng trên báo Nông nghiệp Việt Nam. Tác giả đã đưa ra những mặt đạt được, thành công của đề án khi đưa vào triển khai thực hiện, tuy nhiên việc thực hiện Đề án ở khắp các tỉnh, thành phố vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập cần được khắc phục, chấn chỉnh và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện Đề án trong giai đoạn tiếp theo.

Đào tạo nghề ngày càng được xã hội quan tâm, đã có một số nghiên cứu về đổi mới và phát triển công tác dạy nghề ở nước ta, trong đó cũng nêu ra các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cơ bản để phát triển công tác dạy nghề ở nước ta. Với đề tài đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã có nhiều bài viết nghiên cứu, tuy nhiên nghiên cứu về ”Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang” chưa có.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Nghiên cứu thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở huyện Hiệp Hòa; Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang.

4. Đối tượng, Phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Phạm vi nghiên cứu: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Hiệp Hòa giai đoạn 2010-2014

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã thực hiện khảo sát tại 3 trung tâm dạy nghề của huyện bao gồm: TTDN huyện Hiệp Hoà, TTDN Xuân Xuân và TTDN Hà Phong.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Kết hợp sử dụng các phương pháp điều tra, phương pháp phân tích, so sánh, thống kê, phương pháp chuyên gia và tổng hợp, dựa trên những tài liệu thực tiễn của các ngành có liên quan đến phạm vi nghiên cứu để làm rõ vấn đề mà đề tài đề cập.

✚ Phương pháp điều tra:

Việc phỏng vấn được bắt đầu từ giới thiệu mục đích cuộc thăm hỏi, các câu hỏi về tình hình chung và các câu hỏi liên quan đến nghề nghiệp lần lượt được đưa ra. Trong khi phỏng vấn về vấn đề lao động, việc làm, tác giả dành thời gian tìm hiểu mức độ chính xác và kiến thức kỹ thuật của người được phỏng vấn. Sau khi thảo luận xong tiến hành hỏi thăm công việc họ đang làm, sự thoả mãn về nghề nghiệp và mức thu nhập bình quân. Trong quá trình phỏng vấn cũng thảo luận về các tồn tại liên quan đến chất lượng dạy nghề, nhu cầu học nên cao hơn và các chủ đề khác cần quan tâm.

✚ Phương pháp xử lý thông tin

Trong quá trình nghiên cứu tác giả xử lý thông tin bằng các loại máy tính cầm tay và máy vi tính, sử dụng các phương pháp phân tổ, phân nhóm. Áp dụng một số tiêu thức chuẩn để đánh giá kết quả, hiệu quả của từng loại đào tạo và quản lý trong TTDN.

✚ Phương pháp phân tích

Trong quá trình phân tích tác giả chủ yếu dùng phương pháp thống kê mô tả các hiện tượng kinh tế xã hội bằng việc mô tả thông qua các chỉ

tiêu tổng hợp như số tuyệt đối, số tương đối, bình quân. Ngoài mô tả mức độ phương pháp thống kê còn dùng để mô tả quá trình biến động và mối quan hệ giữa các hiện tượng. Phương pháp thống kê mô tả còn được dùng để so sánh và mô tả các hiện tượng trên cơ sở phân tổ, phân tích hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả môi trường của công tác dạy nghề, từ đó rút ra những kết luận, những nhận xét giúp cho công tác dạy nghề ngày càng được hoàn thiện hơn, đồng thời đưa ra những giải pháp hữu hiệu, phù hợp với công tác dạy nghề của địa phương.

Phương pháp thống kê so sánh là một số chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường của các đào tạo và quản lý dạy nghề so với từng năm, so sánh giữa kết quả đạt được với bản kế hoạch đề ra, so sánh kết quả đạt được hàng năm so với các đơn vị tương đương, so sánh chất lượng sản phẩm (người được học nghề, người được bổ túc nâng cao trình độ giữa các Trung tâm trong huyện và mặt bằng toàn quốc) từ đó tìm ra mô hình hiệu quả nhất và đề xuất những giải pháp trước mắt và lâu dài để phát triển đào tạo nghề.

Phương pháp chuyên gia

Tác giả sẽ tranh thủ tham khảo ý kiến của các nhà khoa học, các cán bộ giáo viên dạy nghề, ý kiến của các nhà lãnh đạo địa phương về công tác dạy nghề để thu thập và phân tích đánh giá vấn đề được khách quan.

6. Kết cấu của Luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Chương 2: Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc giang

Chương 3: Giải pháp phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

1.1. Một số khái niệm liên quan

1.1.1. Lao động nông thôn

Nông thôn là vùng lãnh thổ rộng lớn thường bao quanh các đô thị (thành phố, thị trấn, khu công nghiệp), ở đó hoạt động nông nghiệp (nông, lâm, ngư nghiệp) đóng vai trò chủ yếu và quan trọng, cơ sở hạ tầng kém phát triển, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, trình độ sản xuất hàng hóa thấp và mức sống của người dân thấp. Tuy nhiên, ở nông thôn những di sản văn hóa, phong tục tập quán cổ truyền phong phú. Như vậy, nông thôn có những đặc trưng sau:

- Nông thôn là vùng lãnh thổ sinh sống của cộng đồng dân cư chủ yếu là nông dân, là vùng chủ yếu sản xuất nông nghiệp, ngoài ra còn có các hoạt động sản xuất và dịch vụ phục vụ chủ yếu cho nông nghiệp và cho cộng đồng nông thôn. Sản xuất chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện tự nhiên.

- So với đô thị, nông thôn có cơ sở hạ tầng, trình độ sản xuất hàng hóa thấp hơn.

- Nông thôn là vùng có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật thấp hơn đô thị. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân cũng thấp hơn.

Nguồn lao động nông thôn là một bộ phận dân số sinh sống và làm việc ở nông thôn trong độ tuổi lao động theo qui định của pháp luật (nam từ 16 đến 60 tuổi, nữ từ 16 đến 55 tuổi) có khả năng lao động.

Lực lượng lao động ở nông thôn là bộ phận của nguồn lao động ở nông thôn bao gồm những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, đang có việc làm và những người thất nghiệp nhưng có nhu cầu tìm việc làm.

Tuy nhiên do đặc điểm, tính chất, mùa vụ của công việc ở nông thôn mà lực lượng tham gia sản xuất nông nghiệp không chỉ có những người trong độ tuổi lao động mà còn có những người trên hoặc dưới độ tuổi lao động tham gia sản xuất với những công việc phù hợp với mình. Từ khái niệm nguồn lao động ở nông thôn mà ta thấy lao động ở nông thôn rất dồi dào, nhưng đây cũng chính là thách thức trong việc giải quyết việc làm ở nông thôn.

Theo PGS.TS Nguyễn Tiệp: “Lao động nông thôn là một bộ phận của nguồn nhân lực quốc gia, bao gồm toàn bộ những người có khả năng lao động (lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân và những người có khả năng tham gia lao động nhưng chưa tham gia lao động) thuộc khu vực nông thôn (khu vực địa lý bao trùm toàn bộ dân số nông thôn”.[18, tr215]

Tuy nhiên, trong nội dung của luận văn, tác giả sẽ tiếp cận khái niệm lao động nông thôn dựa trên một số đặc điểm cơ bản đặc điểm sau:

- *Số lượng lớn*: theo Báo cáo các điều tra lao động việc làm quý 2 năm 2014 của Tổng cục thống kê, lao động nông thôn có khoảng 37,64 triệu người

- *Lao động nông thôn chủ yếu làm nông nghiệp*, trình độ học vấn thấp, không được đào tạo cơ bản. Ngoài ra, họ tham gia sản xuất, phục vụ nông nghiệp: bán giống, cây con, thuốc bảo vệ thực vật,...

- *Mang tính thời vụ*: lao động nông nghiệp, nông thôn làm việc có tính mùa vụ do đặc thù của nghề nông. Đối tượng của nghề nông là cây trồng, vật nuôi, chúng là những cơ thể sống trong đó quá trình tái sản xuất tự nhiên và tái sản xuất kinh tế đan xen nhau. Cùng một loại cây trồng, vật nuôi ở những địa phương có điều kiện tự nhiên khác nhau sẽ có quá trình sinh trưởng và phát triển khác nhau. Tính thời vụ trong nông nghiệp là vĩnh viễn, chúng ta chỉ có thể tìm cách giảm tính thời vụ chứ không thể xóa bỏ được.

- *GDP/đầu người thấp*. Nông thôn là khu vực trong đó nông nghiệp là hoạt động chủ yếu của người dân. Nông nghiệp là ngành lao động nặng nhọc

và thu nhập thấp, rủi ro cao. Vì vậy điều kiện sản xuất và sinh hoạt của người dân rất khó khăn, hầu hết thu nhập của họ chỉ đủ tái sản xuất giản đơn và chỉ dùng cho các nhu cầu đời sống tối thiểu.

Dựa vào một số đặc điểm cơ bản nêu trên, có thể đưa ra cách tiếp cận khái niệm lao động nông thôn là toàn bộ những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động thuộc khu vực nông thôn.

1.1.2. Nghề

Hiện nay, "nghề" được hiểu theo nhiều cách khác nhau:

Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội.

Theo Từ điển Tiếng Việt: "*Nghề là công việc chuyên làm theo phân công lao động trong xã hội*". Với cách tiếp cận này, mỗi người trong hệ thống phân công lao động xã hội sẽ đảm nhận một hoặc một số công việc, những công việc này lặp đi lặp lại thường xuyên, từ ngày này sang ngày khác, nội dung của những công việc đó không hề thay đổi, và nó được hiểu là nghề.

Theo giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực- Đại học kinh tế quốc dân PGS.TS Trần Xuân Cầu, "*Nghề cũng được hiểu là một hình thức phân công lao động, nó đòi hỏi kiến thức lý thuyết tổng hợp và thói quen thực hành để hoàn thành những công việc nhất định*".[5, tr 105]. Như vậy để có được nghề, người lao động cần phải có kiến thức về lý thuyết của một hoặc một vài môn khoa học nào đó, những kỹ năng thực hành đến mức thành thạo. Nghề có thể hiểu là tổng hợp những kiến thức và kỹ năng lao động mà con người tiếp thu được do kết quả của đào tạo chuyên môn và tích lũy kinh nghiệm trong công việc.

Mặc dù các khái niệm trên được hiểu theo các góc độ khác nhau, song chúng ta có thể thấy nghề có các đặc điểm sau:

- Nghề là hoạt động, là công việc về lao động của con người được lặp đi lặp lại.

- Nghề được hình thành do sự phân công lao động xã hội, phù hợp với yêu cầu của xã hội và là phương tiện để sinh sống.

- Nghề là lao động kỹ năng, kỹ xảo chuyên biệt có giá trị trao đổi, đòi hỏi phải có một quá trình đào tạo nhất định. Vì vậy đào tạo nghề là yêu cầu tất yếu bắt nguồn từ chính bản chất, đặc trưng của nó.

1.1.3. Đào tạo nghề

Trước hết, chúng ta tìm hiểu khái niệm **Đào tạo nghề**: Theo PGS.TS Trần Xuân Cầu, “*Đào tạo nghề là quá trình trang bị kiến thức, kỹ năng, khả năng thuộc về một nghề, một chuyên môn nhất định để người lao động thực hiện có hiệu quả chức năng và nhiệm vụ của mình.*”[5, tr 103]

Đào tạo nghề gồm hai quá trình không thể tách rời nhau: dạy nghề và học nghề. Trong một số văn bản hiện nay, đào tạo nghề và dạy nghề được đồng nhất với nhau.

Theo Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 số 74/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2014 tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII: “*Dạy nghề là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học nghề để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học.*”

Dạy nghề là tổng thể các hoạt động truyền nghề đến người học nghề. Đó là quá trình giảng viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để học viên có được một trình độ, kỹ năng, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp.

Học nghề là quá trình tiếp thu những kiến thức về lý thuyết và thực hành của học viên để có được một nghề nghiệp nhất định.

Đối tượng của đào tạo nghề là lao động nói chung, đối tượng của đào tạo nghề cho lao động nông thôn là những người lao động nông thôn

1.1.4. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Đối tượng của đào tạo nghề là lao động nói chung, đối tượng của đào tạo nghề cho lao động nông thôn là những người lao động nông thôn. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là quá trình giảng viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để những người lao động nông thôn có được một trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, do số lượng nguồn lao động nông thôn lớn nên đối tượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn có số lượng lớn. Số lượng đối tượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn lớn còn thể hiện ở chất lượng nguồn lao động nông thôn thấp. Thực tế hiện nay, lực lượng lao động nông thôn được đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về nghề nghiệp chiếm tỷ lệ rất thấp, hầu hết các kiến thức, kinh nghiệm người lao động sử dụng đều thông qua sự đúc rút kinh nghiệm trong quá trình làm việc và sự truyền dạy lại của các thế hệ trước. Theo Báo cáo điều tra Lao động việc làm quý 4 năm 2014 của Tổng Cục Thống kê, lực lượng lao động nông thôn không có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 32,689 triệu người, chiếm 89,14% trong tổng số lực lượng lao động nông thôn.

Thứ hai, do tính đa dạng của đối tượng đào tạo, nên việc tổ chức các khóa đào tạo phải rất linh hoạt về chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp truyền đạt... Chương trình đào tạo phải gắn với học liệu sinh động, đa dạng và thiết thực, phù hợp với trình độ, hoàn cảnh của người học để tất cả người lao động nông thôn có cơ hội được đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ đó tìm việc làm và tạo việc làm có năng suất lao động cao hơn, nâng cao dần mức sống của người dân. Cần đa dạng hóa và phù hợp

với từng nhóm đối tượng, từng vùng miền như đào tạo tập trung tại các cơ sở, trung tâm dạy nghề đối với người lao động nông thôn chuyển đổi nghề nghiệp; đào tạo nghề lưu động cho lao động nông thôn làm nông nghiệp tại các làng, xã, thôn, bản; dạy nghề tại nơi sản xuất, tại hiện trường nơi người lao động làm việc.

Thứ ba, đối tượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn có nguồn nội lực cho đào tạo nghề rất hạn chế. Số lượng đối tượng đào tạo nghề rất lớn, tuy nhiên do đó là những người dân ở nông thôn. Đó là nơi GDP đầu người thấp, sản xuất hàng hóa ít phát triển, thị trường lao động ít phát triển, ít có khả năng tiếp cận với hệ thống giáo dục đào tạo, cơ sở hạ tầng kém phát triển, hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người dân chưa đảm bảo, môi trường sống của dân cư nông thôn chậm cải thiện (giao thông, điện, nước sạch...), do đó điều kiện của họ cho việc học nghề rất hạn hẹp, đặc biệt là học ở bậc cao và theo các hình thức trường lớp.

Thứ tư, tính chất thời vụ của nguồn lao động nông thôn đòi hỏi việc tổ chức đào tạo nghề, tập huấn các kiến thức liên quan về trồng cây, vật nuôi cũng phải được sắp xếp phù hợp và kịp với thời vụ thì mới đạt hiệu quả cao. Việc đào tạo nâng cao nhận thức và các kiến thức khác không phụ thuộc vào thời vụ cần được tổ chức vào thời điểm nông nhàn để người dân có điều kiện tham gia đông đủ hơn.

Do tính thời nên một bộ phận lớn người lao động nông thôn cần có thêm việc làm trong thời gian nông nhàn để tăng thu nhập, đáp ứng nhu cầu cuộc sống. Vì vậy, đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần khuyến khích các hoạt động khuyến công (đặc biệt là tiểu thủ công nghiệp) và khuyến thương (thương mại và dịch vụ) nhằm giúp người lao động có thể kiếm thêm việc làm và sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực lao động.

Thứ năm, trong nông thôn, bên cạnh các cơ sở đào tạo chuyên, hệ thống

các tổ chức kinh tế như hộ thủ công truyền thống, các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, các tổ chức xã hội như hội lao động nông thôn, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, đặc biệt là các tổ chức khuyến nông, lâm, ngư cũng đảm nhận chức năng đào tạo.

1.2. Hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.2.1. Theo phương thức đào tạo.

- Đào tạo nghề tại các trường dạy nghề.

Dạy nghề: là truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để người học có trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thục nhất định về nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH. Dạy nghề là phương thức đào tạo quy mô lớn những công nhân kỹ thuật có trình độ cao, thời gian đào tạo tập trung từ hai đến bốn năm. Được tổ chức tại các tổ chức chuyên nghiệp có:

- Hệ thống cơ sở vật chất, máy móc thiết bị phục vụ cho việc dạy nghề.
- Đội ngũ giáo viên đủ khả năng chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy.
- Chương trình dạy được biên soạn thống nhất.
- Phương thức này có ưu điểm: Chương trình học được xây dựng một cách có hệ thống từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, do đó học viên nắm được kiến thức cơ bản và kỹ năng nghiệp vụ một cách nhanh chóng và dễ dàng. Khi ra trường, học viên có thể chủ động giải quyết công việc, có khả năng đảm nhận công việc tương đối phức tạp, có trình độ lành nghề cao.

Tuy nhiên do yêu cầu về cơ sở vật chất và giáo viên giảng dạy nên chi phí đào tạo khá lớn, mặt khác thời gian đào tạo dài, gây khó khăn trong việc thu hút người lao động nông thôn tham gia học nghề.

- Đào tạo nghề gắn với doanh nghiệp.

Các lớp đào tạo nghề cạnh doanh nghiệp thường do các doanh nghiệp tự tổ chức và thực hiện. Mở các lớp đào tạo nghề cạnh doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu công nhân kỹ thuật đang thiếu hụt và nhu cầu công nhân kỹ thuật lâu dài của doanh nghiệp. Hình thức này không đòi hỏi phải có đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật riêng, không cần bộ máy chuyên trách mà dựa vào điều kiện sẵn có của doanh nghiệp. Phần lý thuyết do các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật thực hiện. Phần thực hành được tiến hành tại doanh nghiệp do các kỹ sư và công nhân lành nghề hướng dẫn.

Hình thức này có ưu điểm là:

- Học viên học lý thuyết tương đối có hệ thống và được trực tiếp tham gia lao động sản xuất tại doanh nghiệp (gắn ngay học với hành)

- Bộ máy quản lý gọn, chi phí đào tạo không cao. Tuy nhiên, hình thức đào tạo này chỉ có thể thực hiện được ở những doanh nghiệp tương đối lớn.

- Đào tạo nghề tại các Trung tâm đào tạo.

Là loại hình đào tạo nghề ngắn hạn, phần lớn dưới 1 năm. Đối tượng chủ yếu là đào tạo phổ cập nghề cho thanh niên và người lao động.

Ưu điểm của hình thức này là:

- Thu hút đông đảo người học vì các thủ tục học thường dễ dàng, thời gian hợp lý.

- Nghề đào tạo đa dạng và các trung tâm dạy nghề gắn với giới thiệu việc làm nên hỗ trợ được người lao động trong khi tìm việc.

- Chi phí đào tạo không lớn.

Tuy nhiên hạn chế của hình thức này là quy mô nhỏ, kiến thức lý thuyết ở mức thấp, thiếu đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp, thiếu máy móc, thiết bị, phương tiện hiện đại cho thực hành nghề.

- Truyền nghề

Truyền nghề: Là truyền bá kỹ năng thực hành để người lao động nông

thôn có được trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp. Đây là phương thức đào tạo được áp dụng trong từng cơ sở sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong các gia đình làm nghề thủ công truyền thống. Vì được đào tạo các nghề chuyên sâu tại nơi người học sẽ làm việc, nên nội dung đào tạo của truyền nghề rất sát với môi trường và tính chất nghề mà người lao động hoạt động. Tuy nhiên phương thức này diễn ra với quy mô nhỏ, người dạy nghề không chuyên nên thiếu kinh nghiệm. Đôi khi người học còn bắt chước cả những kỹ năng không hợp lý của người hướng dẫn. Hình thức này chỉ thích hợp với những công việc không đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

1.2.2. Theo mức độ truyền bá kiến thức nghề

Hình thức đào tạo này có thể chia thành 3 loại sau:

Đào tạo nghề mới: Là đào tạo những người chưa có nghề. Đào tạo mới nhằm tăng thêm lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cho xã hội. Đào tạo mới có thể thực hiện ở các cơ sở dạy nghề chuyên hoặc trong từng cơ sở sản xuất kinh doanh.

Đào tạo lại: Là đào tạo với những người có nghề nhưng do yêu cầu mới của sản xuất và tiến bộ kỹ thuật dẫn đến việc thay đổi cơ cấu ngành nghề, trình độ chuyên môn, nên cần đào tạo lại cho phù hợp với cơ cấu ngành nghề và trình độ mới, đáp ứng yêu cầu công việc. Đào tạo lại giúp người lao động có cơ hội học tập một lĩnh vực chuyên môn mới để thay đổi nghề, nên thường được thực hiện ở cơ sở đào tạo chuyên.

Bồi dưỡng nâng cao tay nghề: Là quá trình cập nhật kiến thức còn thiếu, bổ túc nghề, đào tạo thêm hoặc củng cố các kỹ năng nghề nghiệp theo từng chuyên môn. Hình thức này cũng thường được thực hiện ở cơ sở đào tạo chuyên.

1.2.3.Theo thời gian, nội dung chương trình đào tạo

Theo hình thức này có thể chia thành 2 hình thức sau:

Đào tạo dài hạn: là đào tạo một cách bài bản, theo chương trình chuẩn. Thời gian đào tạo từ 1 đến 4 năm tùy theo loại nghề, mức độ phức tạp của nghề. Đào tạo dài hạn chủ yếu được thực hiện ở các trường dạy nghề, các trường trung cấp kỹ thuật và các trường cao đẳng có đào tạo nghề. Đây là những cơ sở đào tạo nghề có đủ điều kiện để tổ chức dạy nghề dài hạn.

Đào tạo ngắn hạn: là đào tạo nghề theo chương trình với thời gian từ một vài tháng đến dưới 1 năm. Dạy nghề ngắn hạn thường tập trung ở các trung tâm dạy nghề, lớp dạy nghề độc lập hoặc gắn với doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo khác có đăng ký dạy nghề ngắn hạn theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

1.3 Nội dung công tác đào tạo nghề

1.3.1. Tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn.

Đào tạo nghề là nhu cầu thiết thực đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của xã hội. Được đào tạo nghề cơ bản, người lao động có nhiều cơ hội xin việc trong các môi trường làm việc chuyên nghiệp, thu nhập cao và cải thiện kinh tế gia đình. Tuy nhiên, vẫn không ít đơn vị, địa phương thiếu quan tâm và chưa chú trọng đến công tác đào tạo nghề; mặt khác, do người dân chưa hiểu hết về hiệu quả của việc học nghề vì vậy việc vận động người tham gia học nghề lại càng trở nên khó khăn. Nhưng với sự quyết tâm và vì lợi ích đời sống người dân, cần xem công tác tuyên truyền tư vấn học nghề là nhiệm vụ chính trị quan trọng và giúp người dân có cách nhìn đúng đắn hơn về học nghề. Mỗi địa phương trong cả nước cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tư vấn học nghề đối với lao động nông thôn, giúp người dân hiểu rõ tầm quan trọng của việc học nghề, để từ đó có ý thức chủ động, tự giác trong việc

tham gia học nghề cũng như có sự lựa chọn nghề nghiệp với bản thân và nhu cầu của địa phương.

Để công tác tuyên truyền có hiệu quả cần có sự phối kết hợp của các cơ quan tổ chức như: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Đài phát thanh truyền hình tỉnh, đài phát thanh truyền hình các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức hội (Hội Liên hiệp phụ nữ, Tỉnh đoàn thanh niên CSHCM, Hội Nông dân tỉnh...)

1.3.2. Xác định nhu cầu, ngành nghề và đối tượng đào tạo

1.3.2.1. Xác định nhu cầu đào tạo

Nhu cầu đào tạo nghề là mong muốn được tham gia, được hiểu biết và thực hành về một hay một số nghề phù hợp với điều kiện của mỗi người lao động đó. Nó là cơ sở quan trọng để hệ thống cơ sở đào tạo, chuẩn bị các điều kiện đào tạo nghề như: xây dựng hệ thống cơ sở đào tạo, chuẩn bị các điều kiện vật chất, đội ngũ quản lý và giáo viên đào tạo nghề. Nhu cầu đào tạo cũng có thể được tính toán từ việc xem xét điều kiện vật chất và con người có thể huy động cho đào tạo nghề với nhu cầu từ sự phát triển kinh tế - xã hội. Việc xem xét mối quan hệ giữa nhu cầu xã hội và khả năng về các điều kiện có thể huy động là quy trình hợp lý nhất để xác định nhu cầu đào tạo nghề tại một quốc gia, một vùng, một địa phương trong thời gian nhất định.

Xác định nhu cầu đào tạo nghề của mỗi địa phương, cần xác định nhu cầu của các bên liên quan:

Từ phía người lao động hay người có nhu cầu học nghề: khi tiến hành đào tạo nghề cần xem xét tới đối tượng của hoạt động đào tạo nghề - những người học nghề với nhu cầu thực sự của họ và các điều kiện của chính họ để có thể tham gia vào quá trình đào tạo nghề, xác định khoảng trống giữa kiến thức, kỹ năng cần có khi tham gia lao động và những kiến thức, kỹ năng mà người học hiện có.

Từ phía người sử dụng lao động: sự phát triển kinh tế của địa phương, lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của các doanh nghiệp và chiến lược phát triển kinh doanh là yếu tố quan trọng quyết định đến việc sử dụng lao động trong các doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp hoạt động trong những ngành công nghiệp nhẹ, dệt may, da giày, chế biến lương thực thực phẩm,... thì yêu cầu về trình độ lao động không cao, vì vậy lao động đã qua đào tạo nghề sẽ đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Đối với những địa phương kinh tế chưa phát triển, chậm phát triển hay kinh tế xác hội còn nhiều khó khăn thì lao động địa phương chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo hoặc đã qua đào tạo nhưng tay nghề chưa cao. Nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của người lao động và sự phát triển của đào tạo nghề tại địa phương.

Việc xác định nhu cầu đào tạo nghề cần tiến hành theo quy trình:

- Xác định yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực, cả cơ cấu ngành nghề và cơ cấu trình độ.

- Phân tích, đánh giá đúng đắn nguồn lao động hiện có của địa phương, so sánh với yêu cầu về nhân lực, để từ đó xác định nhu cầu, lập kế hoạch bổ sung, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người lao động của địa phương.

Xác định đối tượng đào tạo

Lựa chọn đối tượng đào tạo là một bước quan trọng. Thông qua nghiên cứu động cơ và nhu cầu, khả năng của người được đào tạo mà chính quyền địa phương có thể biết được quá trình đào tạo có thể có tác dụng như thế nào đối với người lao động. Qua đó, có thể lựa chọn những lao động phù hợp với mục tiêu của địa phương và bản thân người lao động.

Lựa chọn đối tượng đào tạo nghề là lựa chọn người cụ thể để đào tạo, dựa trên nghiên cứu và xác định nhu cầu và động cơ đào tạo của người lao

động, tác dụng của đào tạo đối với người lao động và khả năng nghề nghiệp cho từng người.

Việc xác định đối tượng tham gia đào tạo có vai trò quan trọng giúp đem lại kết quả cao cho khóa học và quan trọng hơn là nó sẽ phát huy hiệu quả cao nhất cho công việc chung của tổ chức. Việc xác định đối tượng đào tạo và bồi dưỡng cần căn cứ vào một số cơ sở sau:

- Phải xuất phát từ yêu cầu công việc mà đối tượng đó đang hoặc sẽ đảm nhiệm trong tương lai.

- Đối tượng tham gia đào tạo phải có đủ tình độ, kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết phù hợp với tính chất và nội dung của khóa học để đảm bảo kết quả.

- Phải xem xét nguyện vọng cá nhân của người học vì đây là động lực quan trọng để học viên thu được kết quả cao trong học tập.

- Phải dựa vào những điều kiện của bản thân địa phương và người lao động như nguồn kinh phí, bố trí sắp xếp thời gian học tập, chính sách sử dụng sau đào tạo. Tránh trường hợp đào tạo tràn lan hay cử đi đào tạo trong khi nhu cầu công việc không thực sự cần thiết hoặc không sử dụng một cách thỏa đáng.

Do đặc thù của sản xuất ở nông thôn là có thể sử dụng lao động từ rất trẻ cho đến sau độ tuổi lao động (theo quy định của pháp luật lao động). Vì vậy, có thể có những đối tượng chỉ có thể tham gia được các khoá đào tạo ngắn hạn, nhưng cũng có nhóm đối tượng (ví dụ từ 16- 24 tuổi) có thể và có điều kiện tham gia các khoá đào tạo dài hạn. Mặt khác, cần thiết phải phân các nhóm đối tượng trên trình độ học vấn. Đối với những người có trình độ học vấn thấp, họ có thể theo học các khoá dạy nghề ngắn hạn. Ngược lại, đối với những người có học vấn cao hơn (THCS, PHPT..) có đủ điều kiện có thể theo các khoá học nghề ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng nghề. Hơn nữa, cũng phải khảo sát đặc điểm và thói quen canh tác của người nông dân ở các

vùng miền khác nhau để có thể có các hình thức đào tạo phù hợp. vì vậy cần có sự phân nhóm đối tượng để tổ chức các khoá đào tạo phù hợp

1.3.2.2. Xác định ngành nghề đào tạo

Quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa và đô thị hóa đòi hỏi phải sử dụng nhiều diện tích đất nông nghiệp để xây dựng các hạ tầng công nghiệp và đô thị, làm cho diện tích đất canh tác bị thu hẹp. Điều này dẫn đến số lượng lao động bình quân trên một diện tích canh tác tăng lên. Hiện tượng đất chật, người đông đang có xu hướng chung của các vùng nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Hồng, những nơi gần đô thị, các địa phương có tốc độ đô thị hóa cao. Như vậy, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đã làm một lượng lao động nông nghiệp không có hoặc thiếu việc làm, đã tạo ra câu về lao động phi nông nghiệp. Một lượng lao động nông nghiệp buộc phải chuyển sang các nghề khác tại nông thôn hoặc trở thành lao động công nghiệp.

Mặt khác, để đảm bảo an ninh lương thực, nuôi sống 99 triệu dân vào năm 2020 và giữ vững vị trí “cường quốc” về xuất khẩu lương thực và hàng nông nghiệp, Việt Nam phải áp dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa. Điều này đòi hỏi người nông dân phải trở thành những nông dân hiện đại. Trong khi đó hiện tại, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề còn thấp, là trở ngại cho quá trình hiện đại hóa này.

Những yếu tố và yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nêu trên tạo ra sự chuyển dịch rất lớn đối với lao động nông thôn, từ dịch chuyển kỹ năng đến dịch chuyển nghề nghiệp, dịch chuyển nơi sinh sống, điều này đòi hỏi việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn tập trung vào các nhóm nghề sau:

- Đào tạo nghề nông nghiệp với mục đích đào tạo để trở thành những nông dân làm nông nghiệp hiện đại.

- Đào tạo nghề phi nông nghiệp phục vụ cho các đối tượng nông dân chuyển đổi nghề nghiệp

- Đào tạo phục vụ nông dân xuất khẩu lao động

- Đào tạo một số lao động tham gia các làng nghề truyền thống tại địa phương với mục đích giữ gìn và phát huy truyền thống, đồng thời phát triển kinh tế địa phương.

1.3.3. Lựa chọn cơ sở dạy nghề tham gia dạy nghề

Đối với địa phương, để công tác đào tạo nghề có hiệu quả thì mỗi địa phương phải lựa chọn các cơ sở dạy nghề đủ điều kiện tham gia dạy như: có đủ điều kiện về giáo viên, chương trình, giáo trình, cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề tốt.

Đối với người học nghề: việc lựa chọn cơ sở dạy nghề có điều kiện dạy nghề tốt là điều hết sức quan trọng, nó quyết định đến trình độ tay nghề hay khả năng tìm việc làm mới cho người học.

1.3.4. Xây dựng chương trình và lựa chọn hình thức đào tạo

Dù chương trình dạy học ở cấp độ vĩ mô hay vi mô thì đều có 5 yếu tố cơ bản của hoạt động dạy học: mục tiêu dạy học của chương trình, nội dung dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; quy trình kế hoạch triển khai; đánh giá kết quả.

Tùy vào tình hình thực tế, nhu cầu đào tạo nghề, xác định *mục tiêu* cụ thể của từng chương trình dạy nghề.

Để xác định *nội dung đào tạo nghề* cho lao động nông thôn, các cấp chính quyền địa phương phải lập được kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trên cơ sở đó sẽ xác định được nội dung đào tạo. Các cơ sở đào tạo có trách nhiệm đào tạo theo kế hoạch của địa phương, khi đó có thể đảm bảo được quá trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với mục tiêu sử dụng. Nguyên tắc cơ bản cho việc xác định nội dung đào tạo:

Tại mỗi vùng, cơ cấu ngành nghề và trình độ dân trí khác nhau nên cần xác định cụ thể nội dung dạy nghề cho lao động nông thôn tại từng vùng. Trong mỗi chương trình nên chia ra nhiều học phần khác nhau, lao động nông thôn có thể lựa chọn theo học toàn chương trình hoặc học từng phần riêng biệt, khi học xong cần cấp chứng chỉ về nghề nghiệp cho lao động nông thôn.

Huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông - lâm - ngư xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề cho lao động nông thôn. Ngoài ra, cần có sự tham gia của lao động nông thôn trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo. Thông qua việc tiếp xúc tìm hiểu nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, các nhà hoạch định nội dung chương trình sẽ biết được người lao động nông thôn cần gì, khả năng thu nhận và tư vấn cho họ trong việc lựa chọn, xác định nghề cần học.

Nội dung dạy cho lao động nông thôn phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế của vùng, của địa phương, với mục tiêu phân bố lại lao động nông thôn cũng như với khoa học công nghệ cao. Hai nội dung quan trọng của công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn phải được cụ thể hóa từng bước trong các chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn.

Về Giáo trình, tài liệu học tập: Tài liệu viết cho các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn phải viết ngắn, từ ngữ đơn giản phù hợp với ngôn ngữ địa phương, dễ hiểu dễ nhớ kèm theo các tranh, ví dụ minh họa và các nội dung được trình bày theo trật tự của một quy trình công việc. Giáo trình cần trình bày đẹp, nhỏ, tiện lợi cho học viên sử dụng hàng ngày.

Về thời gian của khóa học:

Các chương trình/ khóa học nên thực hiện trọn vẹn một quy trình, chu kỳ sinh trưởng và phát triển...Nếu chương trình khóa học hay chuyên đề có

nội dung lớn cần chia nhỏ thành các Module và được tổ chức học theo một trật tự logic với thời gian dài hơn, kết thúc mỗi module, người học đem những kết quả học được áp dụng vào thực tế công việc, từ đó sẽ thấy được những điều thiếu cần phải được bổ sung để đề xuất, bổ sung cho nội dung học tập của giai đoạn học tiếp theo.

Về quy mô lớp học đào tạo nghề:

Để đảm bảo chất lượng dạy và học, và phát huy khả năng tham gia của người học trong quá trình trao đổi kinh nghiệm, kiến thức mỗi lớp học chỉ nên có từ 25-30 học viên.

Đối với nhóm đối tượng nông dân đào tạo để có thể làm nông nghiệp hiện đại, do đặc thù của sản xuất nông nghiệp, người nông dân làm việc theo mùa vụ, nên các khoá đào tạo cần gắn với việc vừa học, vừa làm việc của người nông dân, hoặc phải lựa chọn thời gian nông nhàn của người dân để tổ chức khoá học cho phù hợp. Mặt khác, do tính đa dạng của vật nuôi, cây trồng nông nghiệp, các khoá học nên được tổ chức gắn với thời kỳ sinh trưởng của vật nuôi, cây trồng. Điều này đòi hỏi việc xây dựng chương trình đào tạo phải rất linh hoạt và khoa học

Lựa chọn hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Mục tiêu của dạy nghề cho lao động nông thôn là tạo cho họ có một nghề để có thể tự tạo việc làm trong nông nghiệp (tăng năng suất lao động) hoặc tìm được việc làm phi nông nghiệp (ở nông thôn hoặc ngoài nông thôn). Nói cách khác, dạy nghề cho lao động nông thôn phải gắn với giải quyết việc làm cho người lao động, đây là vấn đề cốt lõi đối với dạy nghề cho lao động nông thôn, nhất là đối với nhóm lao động cần phải chuyển sang làm trong lĩnh vực phi nông nghiệp, công nghiệp. Nếu không gắn được với việc làm thì người nông dân sẽ không tham gia học nghề nữa và nguồn lực xã hội sẽ bị lãng phí. Do đó, trong quá trình đào tạo nghề rất cần thiết có sự kết hợp chặt

chẽ với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất để họ một mặt tham gia vào quá trình đào tạo; mặt khác có thể tạo cơ hội cho người học được tham gia vào quá trình sản xuất của doanh nghiệp từ khi còn học và sau khi học nghề xong là có thể làm việc được ngay với nghề nghiệp của mình. Việc tổ chức các khoá học với các hình thức và phương thức khác nhau đối với lao động nông thôn rất quan trọng. Dạy nghề cho lao động nông thôn có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như dạy tại các cơ sở dạy nghề; dạy nghề theo đơn đặt hàng của các tập đoàn, Tổng công ty; dạy nghề lưu động (tại xã, thôn, bản); dạy nghề tại doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; dạy nghề gắn với các vùng chuyên canh, làng nghề;...Phương thức đào tạo cũng cần phải đa dạng hoá, phù hợp với từng nhóm đối tượng và điều kiện của từng vùng, miền..., như đào tạo tập trung tại cơ sở dạy nghề đối với những nông dân chuyển đổi nghề nghiệp (trung tâm dạy nghề, trường trung cấp, cao đẳng nghề, các trường khác có tham gia dạy nghề...); đào tạo nghềlưu động cho nông dân làm nông dân hiện đại tại các làng, xã, thôn, bản; dạy nghề tại nơi sản xuất, tại hiện trường theo kiểu FFS (Farmer Field Schools)...

1.3.5. Tổ chức đào tạo nghề

Tổ chức chương trình đào tạo là một trong những nội dung quan trọng trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Trong giai đoạn này, bộ phận phụ trách đào tạo thực hiện các nhiệm vụ: tổ chức các lớp đào tạo bằng nhiều hình thức, phương thức đào tạo khác nhau. Trong quá trình tổ chức cần phải chú ý đến các thiết bị phục vụ đào tạo, kinh phí cho đào tạo, đội ngũ giảng viên, giáo viên, các hình thức theo dõi nội dung và tiến độ đào tạo, định kỳ gặp gỡ người dạy và người học để nắm bắt tình hình, các phát sinh, nắm bắt kết quả

từng bước trong quá trình đào tạo để có thể phối hợp và điều chỉnh kịp thời,... đảm bảo điều kiện và phục vụ tốt nhất cho quá trình đào tạo.

1.3.6. Đánh giá hiệu quả đào tạo nghề

Hiệu quả là một trong yếu tố chính quyết định sự thành công của hoạt động đào tạo nghề. Việc đánh giá này nhằm tìm hiểu chương trình đào tạo có hoàn thành mục tiêu đề ra hay không. Nó chủ yếu xác định kết quả đào tạo: lượng kiến thức, kỹ năng học viên đạt được và khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng đó vào quá trình làm việc sau khi được đào tạo. Việc đánh giá hiệu quả đào tạo nghề được tiến hành dựa vào các tiêu chí sau:

- Tỷ lệ lao động có việc làm đúng nghề học
- Tỷ lệ lao động tự tạo được việc làm sau đào tạo
- Số lượng lao động chuyển đổi nghề sau đào tạo nghề
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề được doanh nghiệp tuyển dụng
- Mức độ hài lòng của lao động đối với khóa học: Khi kết thúc khóa học, thông qua phát phiếu thăm dò, cơ sở đào tạo lấy ý kiến của người lao động về nội dung chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, mức độ ứng dụng vào công việc họ sẽ làm.

- Mức độ phù hợp của ngành nghề đào tạo với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương; khảo sát, điều tra người lao động sau khi tham gia khóa học có tìm được việc làm phù hợp không.

- Sự thay đổi thu nhập của người lao động sau khi được đào tạo: đây là tiêu chí rất quan trọng để đánh giá hiệu quả đào tạo nghề. Mục tiêu chính của đào tạo nghề là giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của người lao động.

- Mức độ liên kết của các trường dạy nghề với các doanh nghiệp hay số lượng người lao động có việc làm sau đào tạo: các cơ sở đào tạo cần quan tâm đến nhu cầu của xã hội, của doanh nghiệp và của người lao động. Doanh nghiệp cũng cần liên kết với các trường trong việc xây dựng chương trình đào

tạo để người học sau khi tốt nghiệp đủ kiến thức kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc. Như vậy sẽ tránh được tình trạng lãng phí thời gian, tiền bạc của người lao động, của các cơ sở đào tạo nghề của Nhà nước.

1.4. Các yếu tố tác động đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.4.1. Mạng lưới cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn

Các cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn rất đa dạng, đó là: cơ sở dạy nghề công lập, tư thục, cơ sở dạy nghề tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, nông lâm trường, vùng chuyên canh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các cơ sở dạy nghề tiểu thủ công mỹ nghệ.

Cần đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề theo hướng khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn: thu hút các cơ sở dạy nghề tư thục, các cơ sở giáo dục (trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp), các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tham gia hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn.

Quy hoạch và thiết kế hệ thống mạng lưới cơ sở đào tạo nghề theo từng cấp học, từng hình thức đào tạo nghề tại từng địa phương là nội dung mang tính tiền đề. Xây dựng mạng lưới cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn trên cơ sở xem xét, đánh giá lại các tổ chức đã tham gia vào công tác dạy nghề cho lao động nông thôn trong thời gian qua trên tất cả các mặt, từ hệ thống trường lớp, đội ngũ giáo viên, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học, các ngành nghề đang được dạy tại các cơ sở dạy nghề, nội dung, tài liệu và phương pháp giảng dạy cho lao động nông thôn để biết được cái gì đã được, cái gì chưa được cần bổ sung và hoàn thiện.

Hiện nay, mạng lưới các cơ sở dạy nghề chủ yếu tập trung ở các khu vực đô thị, tuy nhiên lao động nông thôn vừa là người lao động vừa là các chủ hộ, họ quan tâm nhiều đến công việc gia đình, do đó nên bố trí các lớp học

gần nơi ở của họ, để sau các buổi học họ có thể tham gia sinh hoạt với gia đình. Do vậy chú trọng phát triển hình thức dạy nghề tại trung tâm học tập cộng đồng trên cơ sở lớp học trên đồng ruộng/ lớp học hiện trường.

1.4.2. Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo nghề

Cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo nghề bao gồm: phòng học lý thuyết, xưởng thực hành cơ bản và thực tập sản xuất, thư viện, học liệu, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập, nhà ở cho học viên, khu làm việc cho cán bộ, giáo viên dạy nghề... Kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị thường là rất lớn, vì vậy cần có sự tham gia của các cấp quản lý vĩ mô với các hoạt động quan trọng như: Quy hoạch hệ thống đào tạo nghề trên phương diện cơ sở vật chất, cấp vốn cho các trường, các cơ sở đào tạo nghề và giám sát quá trình thực hiện vốn. Tổng Cục dạy nghề là cơ quan đảm nhận vai trò này.

1.4.3. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề

Để hoạt động dạy nghề cho người lao động có kết quả cao cần có tính thực hành của các bài học và có các phương pháp dạy học cho người lớn tuổi. Do vậy đòi hỏi giáo viên dạy nghề ngoài kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng tay nghề thành thạo, cần có phương pháp giảng dạy phù hợp với người lao động nông thôn.

Trước mắt cần thực hiện chương trình đào tạo giáo viên dạy nghề cho người lao động từ các giáo viên tiềm năng như cán bộ khuyến nông xã, cán bộ thú y, bảo vệ thực vật xã, cán bộ khuyến nông huyện, khuyến nông cơ sở, cán bộ hội lao động nông thôn hoặc lao động nông thôn giỏi.

Về lâu dài cần xây dựng chương trình đào tạo giáo viên dạy nghề cho người lao động, với các nội dung cần tập trung các chuyên đề kinh tế kỹ thuật nông nghiệp, mà các chuyên đề này là bài giảng ở lớp, làng, xã. Phương pháp sư phạm, phương pháp khuyến nông, tổ chức lớp học, phương pháp đánh giá

nhu cầu đào tạo, phát triển tài liệu.

1.4.4. Một số yếu tố khác

- Nguồn tài chính đầu tư cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Nguồn tài chính đầu tư công tác đào tạo nghề có vị trí hết sức quan trọng trong đào tạo nghề. Nó ảnh hưởng đến chất lượng giáo viên cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở đào tạo nghề, có tính chất quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các cơ sở đào tạo nghề. Tài chính bao gồm các khoản chi cho việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, chi phí công tác quản lý, tiền lương và các hoạt động khác của các cơ sở dạy nghề. Có thể thấy được đào tạo nghề là hình thức đào tạo tốn kém nên rất cần sự đầu tư đúng mức của chính phủ và hỗ trợ kinh phí từ các nguồn khác.

- Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất. Chiến lược này thường được cụ thể hóa bằng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nếu quy hoạch kinh tế phát triển của địa phương có tính khả thi thì các dự án đầu tư cũng có điều kiện thực hiện thuận lợi và có hiệu quả kinh tế cao, đồng thời việc giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo cũng được thuận lợi. Ngoài ra, nội dung chiến lược hay quy hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương cũng ảnh hưởng đến nội dung công tác đào tạo nghề. Dẫn chứng đơn giản rằng, địa phương đang tập trung phát triển ngành nghề truyền thống hay tập trung phát triển dịch vụ thì đương nhiên nội dung đào tạo cũng phải đi theo hướng này.

- Quá trình đô thị hóa – công nghiệp hóa của địa phương: do quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa và quá trình đô thị hóa nên đất đai của người dân bị thu hẹp, nhiều người dân bị mất đất mà khả năng tạo việc làm từ quá trình này còn nhiều hạn chế, đồng thời do người lao động nông thôn có trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp không đáp ứng được yêu cầu công việc nên sức

ép việc làm lao động nông thôn ngày càng tăng do xu thế phát triển của xã hội, điều này tác động không nhỏ đến hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn – đào tạo nghề cho các đối tượng lao động này là điều tất yếu.

- Trình độ của người lao động: với các nước phát triển, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật,... của lao động nông nghiệp, nông thôn thường rất thấp, do vậy khi tiến hành công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn, xây dựng và phát triển các đô thị, phát triển các ngành phi nông nghiệp gắn với nền kinh tế thị trường, cơ hội tìm kiếm công ăn việc làm của người lao động nông nghiệp ở các đô thị là rất khó khăn. Ngay cả trong sản xuất nông nghiệp ngày nay – thời đại khoa học công nghệ - lao động nông nghiệp cũng đòi hỏi phải được đào tạo và đào tạo lại. Cùng với tiến trình hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn đặt ra những yêu cầu mới cho người lao động, đòi hỏi người lao động phải nâng cao trình độ, năng lực của mình. Nếu người lao động nông nghiệp nói riêng, người lao động trong các ngành nói chung không được đào tạo và đào tạo lại đáp ứng yêu cầu mới, thì tự họ sẽ mất đi cơ hội việc làm, cơ hội tìm kiếm việc làm sẽ rất khó khăn, tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm là không thể tránh khỏi.

-Xã hội hóa về đào tạo nghề: Nhận thức của xã hội về đào tạo nghề tác động mạnh đến công tác đào tạo nghề, ảnh hưởng rõ rệt nhất của nó đến lượng học viên đầu vào cho các cơ sở dạy nghề. Do tâm lý ưa chuộng khoa bảng, bằng cấp của gia đình, người học nghề và xã hội nên công tác đào tạo nghề hiện nay chưa được xã hội nhận thức đầy đủ và đúng đắn. không ít các gia đình coi vào đại học là con đường duy nhất để kiếm được nghề ổn định và xây dựng được cuộc sống tốt. Phần lớn các học sinh không muốn thi vào các trường dạy nghề, bởi vì không muốn làm lao động nông thôn hoặc không muốn làm việc tại nông thôn mà có xu hướng đổ xô ra thành phố học và làm việc. bên cạnh đó, những người lao động nông thôn cũng không muốn tham

gia vào các lớp dạy nghề mở tại địa phương, vì họ bảo thủ cho rằng, với kinh nghiệm bao đời và kinh nghiệm vật nuôi, cây trồng họ vẫn có thể trực tiếp chăm bón và tham gia sản xuất và làm việc với năng suất cao mà không cần phải mất thời gian và tiền bạc học qua các lớp dạy nghề.

Nếu người lao động đánh giá đúng đắn hơn tầm quan trọng của việc học nghề thì lượng lao động tham gia học nghề sẽ chiếm một tỷ lệ lớn hơn so với toàn bộ số lao động trên thị trường và sẽ có cơ cấu trẻ hơn, đa dạng hơn. Hơn nữa, nếu người lao động nhận thức được rằng giỏi nghề là một phát chất quý giá của mình, là cơ sở vững chắc để có việc làm và thu nhập ổn định thì công tác đào tạo nghề sẽ nhận được thêm nhiều nguồn lực hỗ trợ cần thiết từ xã hội

- Khả năng tiếp nhận lao động sau khi đào tạo nghề của các doanh nghiệp: Hiện nay các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề là rất lớn. Một trong những tiêu chí để đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo nghề là tỷ lệ lao động có việc làm sau khi được đào tạo. Để đảm bảo những tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm hàng hóa, các doanh nghiệp tuyển dụng lao động vào làm việc cũng có phần “khắt khe” hơn trước. Vì vậy, trình độ của người lao động là mục tiêu hàng đầu của các nhà tuyển dụng, đây là cơ sở để các cơ sở đào tạo nghề theo sát các doanh nghiệp tìm hiểu nhu cầu và nắm bắt thông tin để có những bước đi trong chương trình dạy nghề sao cho có hiệu quả nhất.

1.5. Kinh nghiệm đào tạo nghề ở một số địa phương

1.5.1. Kinh nghiệm của huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Yên Dũng là một huyện của tỉnh Bắc Giang. Những năm qua, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở Yên Dũng luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, chú trọng và đang phát huy hiệu quả thiết thực. Dù là nghề nông nghiệp hay phi nông nghiệp, sau khi hoàn thành chương

trình tại các lớp đào tạo nghề, phần lớn các học viên đã phát huy được nghề ngay tại địa phương hoặc hành nghề tại một số doanh nghiệp, góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Trong những năm gần đây, cùng với việc thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện, cái được lớn nhất là người người nông dân đã thay đổi được nhận thức. Từ thói quen lao động nhỏ lẻ trong sản xuất nông nghiệp, giờ đây phần lớn trong số họ đã mạnh dạn làm ăn nhờ những kiến thức, hiểu biết thông qua các lớp tập huấn, các chương trình đào tạo nghề...để đưa lại hiệu quả hơn trong sản xuất, kinh doanh. Không chỉ nhiều nghề mới đang cho thu nhập khá mà ngay trong sản xuất nông nghiệp, nhiều gia đình đã biết áp dụng tiến bộ kỹ thuật nên năng suất cây trồng, vật nuôi cũng nhanh hơn, cao hơn trước.

Theo kết quả thống kê phòng LĐTB&XH huyện, được sự quan tâm của các cấp, các ngành..., trong thời gian qua, mỗi năm trung bình huyện tổ chức mở được gần 60 lớp đào tạo nghề với trên 2.000 lao động nông thôn và cán bộ công chức xã tham gia trên nhiều lĩnh vực như: nông nghiệp, phi nông nghiệp quản lí nhà nước... Đó là chưa tính hàng chục lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn hàng năm. Tính đến cuối tháng 10/2014, tỷ lệ lao động qua đào tạo ở Yên Dũng chiếm trên 40%, trong đó, lao động qua đào tạo chiếm 32%, trên 70% học viên sau học nghề tạo được việc làm góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

1.5.2. Kinh nghiệm của huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình

Huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình hiện có 2 KCN, trên 60 doanh nghiệp đã và đang hoạt động với các ngành nghề khác nhau. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Hiện nay, dân số trong độ tuổi lao động có 22.978 người, số lao động tham gia hoạt động kinh tế là 14.371 người. Thời gian qua, công tác đào tạo nghề gắn với

giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Kỳ Sơn đã và đang phát huy được hiệu quả.

Những năm trước đây do chưa có sự đầu tư nguồn lực và nhận thức người dân hạn chế, việc đào tạo nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu còn gặp nhiều khó khăn. Từ khi triển khai Quyết định số 1956/QĐ-TTg, công tác dạy nghề cho lao động nông thôn có bước chuyển biến tích cực với danh mục nghề đào tạo ngày càng đa dạng, phong phú. Số lao động có nhu cầu học nghề ngày càng nhiều. Hàng năm, Ban chỉ đạo đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” đã xây dựng kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn theo chỉ tiêu của tỉnh, huyện giao và nhu cầu thực tế của người lao động tại các xã, thị trấn. Để có thể xác định được nhu cầu học nghề của người lao động trên địa bàn, hàng năm, huyện đều triển khai điều tra, lập sổ theo dõi cung - cầu lao động đến 85 trưởng thôn, xóm và cán bộ xã để nắm bắt, thống kê đầy đủ thông tin, số liệu cụ thể về nhu cầu học nghề của hộ gia đình. Bên cạnh đó, triển khai điều tra nhu cầu sử dụng lao động tại các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn, trong đó có các ngành nghề chủ yếu như dịch vụ, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm sản, chổi chít... Đặc biệt, huyện đã thí điểm triển khai mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm tại chỗ và bao tiêu sản phẩm cho người lao động làm ra như chổi chít xuất khẩu. Các mô hình dạy nghề “cầm tay chỉ việc” theo nhu cầu của người lao động được thực hiện hiệu quả, phù hợp với lao động nông thôn ở địa phương như nuôi ong mật, nuôi cá, chăn nuôi, trồng trọt. Một số lao động học nghề chế tăm hương và làm tăm hương đã được BCD huyện duyệt cho vay vốn ưu đãi với lãi suất thấp để mua máy móc, xây dựng nhà xưởng. Tỷ lệ lao động có việc làm sau khi học xong đạt 75%, trong đó, số lao động làm tại địa phương chiếm 65% còn lại làm trong và ngoài tỉnh. Theo thống kê của huyện, từ khi thực hiện đề án, trong năm 2010, huyện mở được

10 lớp dạy nghề với 315 lao động tham gia. Năm 2014, huyện mở được 10 lớp với 488 người tham gia. Năm nay, xác định nhu cầu thực tế trên địa bàn, tổng số lao động nông thôn có nhu cầu học nghề khoảng 550 người. Trong đó có 450 chỉ tiêu các lớp dạy nghề chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp chăn nuôi, trồng trọt, thú y để người lao động tự giải quyết việc làm tại địa phương; 100 chỉ tiêu nghề phi nông nghiệp như làm chổi chít, tăm hương, hàn điện, điện nội thất... phục vụ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Theo kế hoạch, tổng số lao động nông thôn dự kiến được đào tạo theo chương trình mục tiêu quốc gia 169 người. Trong năm nay, huyện phấn đấu đạt 36% tỷ lệ lao động qua đào tạo.

Từ những nghiên cứu và tìm hiểu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn của một số địa phương cho thấy cần phải có sự liên kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và người lao động. Hiệp Hòa là một huyện thuần nông, kinh tế còn nhiều khó khăn vì vậy sự liên kết này là hướng đi hiệu quả trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đồng thời trong quá trình triển khai thực hiện, huyện cần chú ý đến một số vấn đề sau: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trong địa bàn huyện và các huyện lân cận; Đào tạo nghề truyền thống để phát triển các làng nghề truyền thống; Đào tạo nghề để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất.

Tiểu kết chương 1

Thông qua chương 1 tác giả đã tập trung giải quyết được một số vấn đề cơ bản sau:

-Hệ thống hóa một số kiến thức lý luận cơ bản đào tạo và đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bao gồm: khái niệm về đào tạo, đào tạo nghề, khái niệm lao động nông thôn.

-Phân tích những nội dung cơ bản của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đồng thời phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến công tác này.

-Trên cơ sở tìm hiểu một số bài học về đào tạo nghề cho lao động nông thôn của một số địa phương trên cả nước, tác giả đã rút ra một số bài học cho huyện Hiệp Hòa trong thời gian tới.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

2.1. Tổng quan huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Hiệp Hoà, là huyện trung du nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Bắc Giang, cách thành phố Bắc Giang 30 km, cách thành phố Hà Nội 60 km. Vị trí địa lý huyện Hiệp Hoà khá thuận lợi so với các huyện khác trong tỉnh Bắc Giang, có mạng lưới giao thông hợp lý (1 tuyến đường quốc lộ, có cầu Vát bắc qua sông cầu về thành phố Hà Nội và lên thành phố Thái Nguyên, 3 tuyến đường tỉnh lộ và có sông Cầu bao quanh phía Tây - Nam) tạo cho huyện có nhiều lợi thế để giao lưu hàng hóa, kinh tế, văn hoá - xã hội với các tỉnh ở Đồng bằng Bắc bộ, đặc biệt với thủ đô Hà Nội, thành phố Bắc Ninh và thành phố Thái Nguyên.

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện là 20.305,98 ha, diện tích được đưa vào sử dụng năm 2014 là: 20.029,54 ha, chiếm 98,64% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân theo mục đích sử dụng thì đất nông nghiệp chiếm 60,75% (12.336,01 ha), đất phi nông nghiệp chiếm 37,89% (7.693,53 ha) và đất chưa sử dụng là 1,36% (276,44 ha).

Cơ cấu sử dụng đất hiện nay cho thấy, mặc dù đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp chiếm tỷ lệ khá cao (60,75%) nhưng do dân số của huyện đông nên bình quân đầu người chỉ đạt 583,5 m²/người; Cùng với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, quỹ đất giành cho sản xuất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp.

Bảng 2.1 Hiện trạng sử dụng đất huyện Hiệp Hòa năm 2014

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	20.305,98	100,0
I	Đất nông nghiệp	12.336,01	60,75
1	Đất sản xuất nông nghiệp	11.589,53	57,07
	- Đất trồng cây hàng năm	11.087,64	54,60
	- Đất trồng cây lâu năm	501,89	2,47
2	Đất lâm nghiệp	106,07	0,524
3	Đất nuôi trồng thủy sản	601,2	2,962
4	Đất nông nghiệp khác	39,21	0,194
II	Đất phi nông nghiệp	7.693,53	37,89
1	Đất ở	3.484,12	17,158
2	Đất chuyên dùng	2.769,24	13,637
-	Trong đó: đất cụm, điểm công nghiệp	199,8	0,984
3	Đất tín ngưỡng, tôn giáo	70,13	0,346
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	269,72	1,329
5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	898,43	4,425
6	Đất phi nông nghiệp khác	2,09	0,010
III	Đất chưa sử dụng	276,44	1,36

(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hiệp Hòa năm 2014)

2.1.2. Tình hình dân số và lao động

Huyện Hiệp Hòa có 25 xã và 01 thị trấn, tính đến ngày 31/12/2014 dân số của huyện Hiệp Hòa là 221.843 người, với 62.432 hộ, trong đó có 200.012 nhân khẩu ở nông thôn (chiếm 90,16% tổng dân số) và 21.831 nhân khẩu ở thị trấn (chiếm 9,84% dân số). Số hộ nghèo toàn huyện còn 7.208 hộ (chiếm 11,54% tổng số hộ).

Bảng 2.2: Tình hình dân số Hiệp Hòa giai đoạn 2010-2014

Chỉ tiêu		2010		2014		So sánh 2014/2010	
		Số người (người)	Tỷ lệ (%)	Số người (người)	Tỷ lệ (%)	Số người (người)	Giá trị (lần)
Tổng nhân khẩu		213.358	100	221.843	100	8.485	1,04
Phân theo giới tính	Nam	105.769	49,57	110.321	49,73	4.552	1,04
	Nữ	107.589	50,43	111.522	50,27	3.933	1,03
Phân theo vùng	Thành thị	13.356	6,26	21.831	9,84	8.475	1,63
	Nông thôn	200.002	93,74	200.012	90,16	10	1,00

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Hiệp Hòa, 2014)

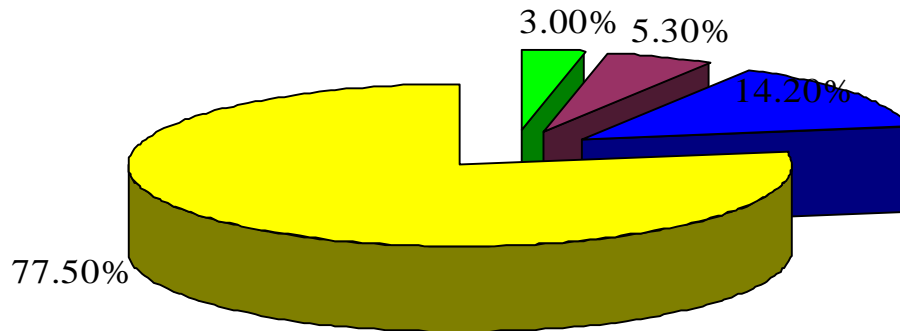
Nhìn vào bảng số liệu có thể thấy dân số Hiệp Hòa từ năm 2010 đến 2014, tăng 8.485 người (1,01 lần), trong đó

-Phân theo giới tính, tỷ lệ nữ nhiều hơn nam nhưng đang có xu hướng giảm

- Phân theo vùng: dân số thành thị (thị trấn) tăng nhanh trong 4 năm tăng 1,63 lần (8.134 người), nguyên nhân là do huyện Hiệp Hòa mở rộng phát triển thị trấn theo quy hoạch của tỉnh và dân cư từ nông thôn di chuyển ra thị trấn sinh sống và làm việc.

Hiệp Hòa là huyện nông nghiệp, số người trong độ tuổi lao động khoảng gần 100.000 người chiếm gần 50% tổng dân số. Theo điều tra số lao động có trình độ đại học, cao đẳng công tác tại ngành giáo dục và các cơ quan hành chính sự nghiệp, một tỷ lệ nhỏ làm trong các ngành cơ khí, còn lại đa phần là lao động nông nghiệp. Đây cũng chính là một áp lực lớn đối với huyện Hiệp Hòa trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Bên cạnh đó dân số ngày một tăng, diện tích đất nông nghiệp bình quân trên nhân khẩu ngày một giảm. Vì vậy, cần chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo

hướng bền vững và phát triển nền nông nghiệp đa dạng hoá cây trồng, hiệu quả để tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người nông dân là rất cần thiết.



Hình 2.1. Cơ cấu lao động phân theo trình độ huyện Hiệp Hoà năm 2014

- Đại học, Cao đẳng
- Trung cấp
- Sơ cấp, công nhân kỹ thuật
- Chưa qua đào tạo

Với nền kinh tế nông nghiệp, nông thôn huyện Hiệp Hoà vẫn tuân theo quy luật chung với số lượng lao động chủ yếu vẫn chưa qua đào tạo (chiếm 77,50%) và hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống. Đây là đội ngũ lao động chủ yếu là nông dân và dễ bị tổn thương trong vấn đề sinh kế từ các rủi ro do thiên nhiên, dịch họa hay do chính các yếu tố chủ quan của con người mang lại. Lao động chưa có sự đào tạo cần thiết phải có chính sách đào tạo đội ngũ lao động đang phát triển hoặc đội ngũ lao động kế cận để dễ dàng tiếp thu những tiến bộ của khoa học kỹ thuật mới, đưa ngành nghề về nông thôn nhằm đa dạng hóa nguồn thu nhập của người dân; giải quyết việc làm cho đội ngũ lao động thất nghiệp tạm thời, nhàn rỗi mang tính thời vụ.

2.1.3. Tình hình phát triển kinh tế

✚ Cơ cấu kinh tế

Những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới phát triển kinh tế đất nước, Nghị quyết đại hội đảng bộ huyện Hiệp Hoà và 6 chương trình phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2010-2015, nền kinh tế của

huyện có những chuyển biến khá rõ nét, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó nông nghiệp nông thôn đã có những bước chuyển biến quan trọng, đời sống của người dân từng bước được cải thiện; tăng trưởng kinh tế đạt mức khá: giai đoạn 2005 - 2009 (tăng trưởng kinh tế bình quân 8,5 %/năm); giai đoạn 2010 - 2014 (tăng trưởng kinh tế bình quân 9,3%/năm). Tổng giá trị sản xuất năm 2014 đạt 1107 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1994), trong đó giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản đạt 562 tỷ; giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 234.5 tỷ đồng; thương mại- dịch vụ đạt 310.5 tỷ đồng (Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hoà, 2014).

**Bảng 2.3: Giá trị sản xuất các ngành kinh tế của huyện năm 2010– 2014
(Theo giá cố định 1994)**

	Năm 2010		Năm 2014		So sánh 2014/2010 (%)
	SL (Tr.đ)	CC (%)	SL (Tr.đ)	CC (%)	
Tổng giá trị sản xuất	649000	100	1.107.000	100	170.5
Nông nghiệp	449.000	69.1	562.000	50.7	125.1
Công nghiệp – xây dựng	57.800	8.9	234.500	21.1	405.7
Thương mại – Dịch vụ	142.200	22	310.500	28.2	218.3

(Nguồn: Chi cục thống kê huyện Hiệp Hoà)

Cơ cấu kinh tế của huyện năm 2014 cho thấy nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chủ yếu của huyện, chiếm 50,7 % tổng giá trị sản xuất của huyện.

+ Tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm dần từ 69,1% năm 2010 xuống còn 50,7 % năm 2014

+ Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng có bước phát triển khá, tăng từ 8,9 % năm 2010 lên 21,1 % năm 2014.

+ Tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ có sự tăng trưởng từ 22 % năm 2010 lên 28,2 % năm 2014.

Trong cơ cấu kinh tế toàn huyện, xu hướng phát triển hiện nay đang

chuyển dịch theo hướng tích cực, phát triển công nghiệp hóa hiện đại hóa. Nông nghiệp phát triển theo chiều sâu, giá trị sản xuất tăng lên nhờ sự ứng dụng của những tiến bộ kỹ thuật, chuyên canh và giống mới trong sản xuất.

Các ngành nghề tại địa phương

Hiệp Hòa là một huyện trung du của tỉnh Bắc Giang, là một huyện thuần nông, sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa. Huyện có những ngành nghề truyền thống lâu đời như nghề mây tre đan, nghề mộc nhưng không phát huy được hiệu quả rõ rệt. Nhưng những năm gần đây, cùng với sự phát triển chung của đất nước, đặc biệt là từ năm 2006, được sự quan tâm của Chính phủ cũng như của chính quyền các cấp từ tỉnh đến xã đối với việc khôi phục và phát triển công nghiệp, TTCN trong đó có ngành nghề nông thôn. Trong bối cảnh đó các Ngành nghề nông thôn của huyện được khôi phục, phát triển và mở rộng ở tất cả mọi loại hình kinh tế, đặc biệt là loại hình kinh tế hộ.

Theo kết quả khảo sát ngành nghề nông thôn của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hiệp Hòa thì đến nay trên địa bàn huyện có các ngành nghề nông thôn như: nghề mây tre đan, nghề mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, chế biến nông sản thực phẩm, nghề may, nghề Làm hương, nghề Dát Bạc, sản xuất gạch xây dựng bằng đất sét nung và gạch không nung (Cay Ba Banh)... trong đó có một số nghề mới được du nhập vào địa bàn như nghề Làm hương, nghề Dát Bạc, sản xuất gạch xây dựng không nung (Cay Ba Banh). Trong các Ngành nghề nông thôn nói trên thì trong những năm gần đây có một số nghề phát triển khá mạnh tạo được nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động tại địa phương như nghề mộc dân dụng, nghề mây tre đan, nghề sản xuất gạch xây dựng không nung (Cay Ba Banh).

Các ngành nghề nông thôn phát triển, đồng nghĩa với việc kinh tế nông thôn phát triển, đây là một yếu tố quan trọng tác động rất lớn đến tâm lý của các hộ gia đình cho con em mình đi học.

Tình hình thu hồi đất

Huyện Hiệp Hòa là một huyện trung du thuộc tỉnh Bắc Giang. Theo quy hoạch của tỉnh huyện Hiệp Hòa sẽ tiến hành quy hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp thành các khu dân cư, cụm công nghiệp,.... Theo quy hoạch của tỉnh dự kiến đến 2020 trên địa bàn huyện có 07 cụm công nghiệp với diện tích 594 ha (Cụm công nghiệp (CCN) Hiệp Hòa 500 ha tại Hợp Thịnh và Đại Thành, CCN Lương Phong:20ha, CCN Đức Thắng :10ha, CCN Thị trấn: 4ha, CCN Danh Thắng: 10ha, CCN thượng huyện 10 ha tại Thanh Vân và CCN hạ huyện: 40 ha tại Hương Lâm); 10 điểm công nghiệp với diện tích: 31,5ha tại 10 xã : Hùng Sơn, Đại Thành, Thái Sơn, Hoàng Lương ... Hiện tại đã có 5 nhà máy gạch tuynen đầu tư, 2 nhà máy may thu hút 5.000 công nhân và nhiều doanh nghiệp tư nhân trên các lĩnh vực : sản xuất bia, cơ khí, xây dựng, khai thác cát sỏi và một số lĩnh vực dịch vụ khác. Theo thống kê của huyện thì có khoảng 500 hộ có đất bị thu hồi với khoảng 20 ha. Phần lớn các hộ dân bị thu hồi đất sản xuất đều được hỗ trợ đền bù, tuy nhiên mức hỗ trợ đền bù không thỏa đáng, giá trị các hộ nhận được từ hỗ trợ đền bù không bù đắp được giá trị mất đi từ việc đất sản xuất các hộ gia đình bị thu hồi. Chính vì việc không hỗ trợ đền bù hoặc hỗ trợ không thỏa đáng làm cho đời sống của các hộ gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn.

Thực tế hiện nay đối với huyện Hiệp Hòa nói riêng và các địa phương khác trên cả nước nói chung quá trình thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất chưa thực sự gắn với công tác đào tạo nghề, chưa chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho người bị thu hồi đất chuyển đổi nghề nghiệp. Điều này làm cho một bộ phận dân cư thuộc diện này rơi vào tình trạng không có khả năng

tìm kiếm cho mình một việc làm mới ổn định. Tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp gia tăng, mặc dù cuộc sống hiện tại của các hộ gia đình vẫn đảm bảo, do có tiền đền bù thu hồi đất và thu nhập từ việc tham gia vào thị trường lao động không chính thức (việc mở cửa hàng tạo hóa, cắt tóc gọi đầu,...). Chính điều này là nguyên do gây ra những vấn đề xã hội và tiềm ẩn nguy cơ phát triển không bền vững. Điều đáng lo ngại là số người không có việc làm chiếm tỷ lệ không nhỏ lại là những người trẻ tuổi, những người đáng ra không chịu tác động nhiều của quá trình thu hồi đất bởi các nghiên cứu cho thấy việc thu hồi đất chỉ ảnh hưởng đến người trên 35 tuổi, có trình độ văn hóa hạn chế, có khả năng tiếp thu kiến thức mới nên khó có khả năng chuyển đổi nghề. Điều này dẫn đến nhiều con em các gia đình này sa vào các tệ nạn xã hội như chơi bời, cờ bạc, rượu chè, lô đề,... làm xáo trộn, ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sống, an ninh trật tự nông thôn.

2.2. Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2.2.1. Tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn

Những năm qua, tỉnh Bắc Giang nói chung và huyện Hiệp Hòa nói riêng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tư vấn học nghề đối với lao động nông thôn, giúp người dân hiểu rõ tầm quan trọng của việc học nghề, để từ đó có ý thức chủ động, tự giác trong việc tham gia học nghề cũng như có sự lựa chọn nghề nghiệp với bản thân và nhu cầu của địa phương.

Trong 5 năm (từ 2010-2014), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Đài phát thanh truyền hình tỉnh, đài phát thanh truyền hình các huyện, thị xã, thành phố và Trung tâm Thông tin công tác tuyên giáo (Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy) triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020”; tổ chức in ấn tờ rơi, phóng sự tuyên truyền về dạy nghề về chủ trương và chính sách của

Đề án để giúp cho cán bộ xã, phường, thị trấn và các đoàn thể quán triệt; tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác dạy nghề lao động nông thôn cho 1.500 cán bộ xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh. Các tổ chức hội (Hội Liên hiệp phụ nữ, Tỉnh đoàn thanh niên CSHCM, Hội Nông dân tỉnh...) cũng thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, vận động đoàn viên, hội viên là lao động nông thôn tham gia học nghề.

Tại Hiệp Hòa, được sự quan tâm của chính quyền địa phương, Đài phát thanh truyền hình huyện xây dựng nhiều chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về học nghề cho lao động đặc biệt là lao động nông thôn; làm nhiều phóng sự để tuyên truyền rộng rãi các mô hình dạy nghề có hiệu quả, những cá nhân, tập thể điển hình trong việc học nghề có việc làm và vươn lên thoát nghèo.

Chính quyền địa phương tổ chức gặp gỡ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để trao đổi nhu cầu tuyển dụng lao động; xây dựng kế hoạch tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010 - 2020 của địa phương; sử dụng cán bộ điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề cho lao động nông thôn để tuyên truyền về các chính sách của Đảng và nhà nước. Đài truyền thanh huyện có chuyên mục về tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn nên đến nay có trên 90% người dân huyện được thông tin về học nghề, vai trò của học nghề và các chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, sâu rộng. Công tác tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn còn mang tính hình thức; chưa cung cấp kịp thời cho lao động nông thôn những thông tin cần thiết: như thông tin về các nghề mà doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, mức lương tối thiểu doanh nghiệp trả, thông tin về quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sản xuất...

Trong thời gian tới, Hiệp Hòa sẽ tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền và tư vấn nghề nghiệp cho lao động nông thôn; đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn kết cụ thể với tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình tái cơ cấu ngành; nâng cao chất lượng dạy nghề, thắt chặt công tác tuyển sinh nhằm xác định đúng đối tượng có nhu cầu cầu học nghề, có điều kiện để phát triển nghề sau khi học...

2.2.2. Nhu cầu đào tạo nghề địa phương

Lao động nông thôn hiện nay có nhu cầu học nghề ở các cơ sở, trung tâm dạy nghề ngày càng gia tăng; mục đích của việc học nghề của họ là sau khi kết thúc khóa đào tạo nghề họ sẽ có trong tay một nghề với trình độ tay nghề, chuyên môn vững vàng để có thể tự lập nghiệp và tìm kiếm cơ hội việc làm ở thị trường lao động. Trong quá trình thực hiện Đề án 1956, để công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn có hiệu quả, ngành Lao động, Thương binh và Xã hội đã tiến hành điều tra, khảo sát nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm phục vụ cho việc xây dựng đề án giai đoạn 2015-2020.

Thực hiện chương trình khảo sát của tỉnh, huyện Hiệp Hòa đã tiến hành khảo sát toàn bộ các xã của huyện và có kết quả như sau:

Từ lao động có nhu cầu học nghề

Bảng 2.4: Số lượng lao động nông thôn có nhu cầu học nghề Hiệp Hòa năm 2010-2014

Nội dung	2010		2014	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số	90.012	100	98.145	100
Số lao động nông thôn có nhu cầu đào tạo	18.356	20,39	38.738	39,47
Trong đó: nhu cầu học nghề	3.142	17,12	9.654	24,92

(Nguồn: Kết quả điều tra nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trong năm 2010, 2014, Phòng LĐ-TB&XH Hiệp Hòa)

Từ kết quả khảo sát trên ta thấy, nhu cầu đào tạo ngày càng tăng, năm 2014 số lao động có nhu cầu đào tạo chiếm tới 39,47 % so với tổng số lao động của huyện. Trong 5 năm từ 2010 đến 2014 tăng 20.382 người (tăng 19,08%) điều này chứng tỏ lao động nông thôn đã có cái nhìn tích cực về học nghề.

Theo báo cáo đánh giá của Chi cục thống kê và phòng lao động huyện thì có khoảng 10% người tham gia khảo sát có nhu cầu học cao đẳng nghề, khoảng 25-30% trung cấp nghề và còn lại là nhu cầu học sơ cấp nghề, dạy nghề dưới 3 tháng. Qua điều tra khảo sát cũng cho chúng ta thấy chủ yếu là nhu cầu học nghề ngắn hạn, ngành nghề chủ yếu là tiểu thủ công nghiệp, có thời gian đào tạo ngắn, kinh phí đầu tư ít lại nhanh thu hồi vốn. Lao động nông thôn là những người có trình độ văn hóa thấp, khó có khả năng học để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chất lượng cao. Nguyên vọng học nghề của lao động nông thôn khá phong phú và đa dạng. Phần lớn lao động muốn học nghề tiểu thủ công nghiệp Đây là nhóm nghề đang có xu hướng phát triển mạnh mẽ trong tương lai và nhu cầu về lao động ở hai nhóm nghề này là khá lớn. Đặc biệt, sau khi kết thúc khóa đào tạo của nghề này, với lao động có khả năng tài chính có thể tự lập nghiệp mở cửa hàng để kinh doanh, hoặc họ có việc làm ngay nhờ có các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm. Đối tượng lao động chọn nhóm nghề này chủ yếu là thanh niên trẻ, không có mong muốn học những nghề liên quan đến nông nghiệp và địa bàn nông thôn, vì đại đa số thanh niên đều có tâm lý muốn thoát khỏi ruộng đồng, nghề nông vất vả chân lấm tay bùn, thu nhập thấp, cuộc sống bấp bênh, không ổn định.

Theo kết quả điều tra nhu cầu học nghề đối tượng chọn ngành nông-lâm nghiệp chủ yếu là bộ phận lao động gắn với sản xuất nông nghiệp và cuộc sống nông thôn. Đối tượng lựa chọn ngành nghề này hầu hết thuộc nhóm trung tuổi muốn học các nghề để tạo việc làm ngay tại địa phương.

Từ phía doanh nghiệp

Theo chương trình khảo sát của tỉnh, huyện Hiệp Hòa đã điều tra nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện năm 2014

Bảng 2.5. Nhu cầu lao động từ phía doanh nghiệp huyện Hiệp Hòa

Nhóm ngành công nghiệp	Năm 2010		Năm 2014		Tốc độ tăng (lần)
	Số người (người)	Tỷ lệ (%)	Số người (người)	Tỷ lệ (%)	
Cơ khí lắp ráp, chế tạo điện tử	914	33,2	1762	32,2	1,93
Dệt may, da giày	1002	36,4	2340	42,7	2,33
Chế biến thực phẩm	112	4,1	218	4,0	1,95
Thủ công mỹ nghệ	234	8,5	356	6,5	1,52
Vật liệu xây dựng	301	10,9	421	7,7	1,4
Công nghiệp nhẹ khác	189	6,9	379	6,9	2,01
Tổng số	2.752	100	5.476	100	1,99

(Nguồn: Kết quả điều tra trong năm 2010, 2014, Phòng LĐ-TB&XH Hiệp Hòa)

Qua điều tra có thể thấy nhu cầu lao động từ các doanh nghiệp trên địa bàn huyện tăng năm 2014 tăng 1,99 lần (2.724 người), trong đó:

-Nhóm ngành Dệt may, da giày có nhu cầu lao động nhiều nhất và vẫn có xu hướng tăng, năm 2014 tăng 2,33 lần (1.338 người) so với năm 2010, nguyên nhân là do huyện hiện nay có thêm một số doanh nghiệp được thành lập hoặc mở rộng quy mô.

-Nhóm ngành Cơ khí lắp ráp, chế tạo điện tử: là nhóm ngành có nhu cầu lao động nhiều thứ 2 năm 2014 chiếm 32,2%, tăng 1,93 lần so với năm 2010.

-Nhóm ngành vật liệu xây dựng có nhu cầu lao động tăng ít nhất năm 2014 là 421 người, chiếm 7,7% (giảm so với năm 2010 3,2%) nguyên nhân là do hiện tại huyện Hiệp Hòa đang quy hoạch các doanh nghiệp sản xuất gạch thủ công, thay vào đó là sản xuất gạch theo công nghệ mới, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

-Nhóm ngành chế biến thực phẩm có nhu cầu về lao động ít nhất, là do huyện có ít các cơ sở cũng như doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.

-Nhóm ngành thủ công mỹ nghệ có nhu cầu lao động tăng chậm năm 2014, chiếm 6,5% (giảm so với 2010 là 2%), nguyên nhân là do các hàng thủ công mỹ nghệ, mây tre đan của huyện không được đánh giá cao, thị trường tiêu thụ không được mở rộng.

Kết quả điều tra cũng cho thấy doanh nghiệp không chỉ có nhu cầu về số lượng mà còn có nhu cầu về chất lượng. Hiện tại lao động tại các cụm công nghiệp chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo, khi vào làm việc, doanh nghiệp phải đào tạo từ đầu. Mặt khác, do lấy lao động từ địa phương, lao động nông thôn, lao động trung tuổi nên khi mới đào tạo sẽ gặp khó khăn.

2.2.3. Quy mô và cơ cấu ngành nghề đào tạo

2.2.3.1. Quy mô đào tạo của các cơ sở dạy nghề trong huyện

Bảng 2.6. Kết quả đào nghề ngắn hạn tại TTDN huyện Hiệp Hòa

ĐVT: Người

Ngành đào tạo	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	So sánh 2014/2010
Điện công nghiệp	30	59	60	65	72	2,4
Mộc mỹ nghệ	26	120	236	251	261	10,0
Trồng trọt, chăn nuôi	850	645	425	417	415	-0,5
May công nghiệp	141	385	638	984	1221	8,7
Hàn	220	225	230	247	300	1,4
Thêu	28	57	103	167	170	6,1
Tin học VP	85	85	90	101	120	1,4
Tổng số	1380	1576	1782	2232	2559	

(Nguồn: Phòng Lao động TB&XH Hiệp Hòa, tháng 12/2014 và tính toán)

Hiện nay trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, hoạt động về lĩnh vực dạy nghề chủ yếu là của 3 Trung tâm như đã nói ở trên. Từ khi Đề án 1956 đưa vào

triển khai thực hiện thì các trung tâm đã có sự đầu tư nhất định về cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như chất lượng của đội ngũ giáo viên giảng dạy, vì vậy trong những năm gần đây, số lượng học viên, sinh viên được đào tạo nghề ra trường cũng tăng lên

Với kết quả đào tạo nghề ngắn đã đạt được tại các TTDN ở huyện trong 5 năm gần đây cho thấy thấy vai trò của các TTDN trong dạy nghề và tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện là vô cùng quan trọng. Tất cả các nghề đều có số học viên tốt nghiệp tăng lên hàng năm với số lượng và tỷ lệ tăng rất cao. Đặc biệt, nghề may công nghiệp và mộc mỹ nghệ năm 2014 đã đào tạo được gấp 8,7 lần số học sinh năm 2010; nghề thêu gấp 6,1 lần, đây là một thành tích nổi bật của các TTDN. Chỉ có nghề Trồng trọt, chăn nuôi là số học viên giảm, nguyên nhân do người học sau khi học xong khó vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp.

Bảng 2.7. Kết quả đào tạo nghề của TTDN huyện Hiệp Hòa

Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011	2012	2013	2014
Số nghề	Nghề	7	7	7	7	7
Số lớp	Lớp	65	88	100	110	120
Số học sinh được đào tạo	Người	1.485	1800	2.030	2.540	2780
Số học sinh tham gia đào tạo dài hạn	Người	105	224	248	308	221
Số học sinh tham gia đào tạo ngắn hạn	Người	1380	1576	1782	2232	2559

(Nguồn: Phòng Lao động TB&XH Hiệp Hòa, tháng 12/2014 và tính toán)

Qua số liệu chúng ta thấy số học sinh được đào tạo dài hạn, ngắn hạn hàng năm ở các TTDN liên tục tăng, năm sau cao hơn năm trước. Điều này đồng nghĩa với việc nếu các TTDN tiếp tục được đầu tư đúng mức về cơ

sở vật chất và nhân lực thì đây là sẽ là một kênh vô cùng quan trọng giúp huyện thực hiện được mục tiêu chiến lược trong những năm tới là nâng tỷ lệ người lao động qua đào tạo nghề lên 40 - 50% vào năm 2020, góp phần tạo việc làm cho hàng ngàn lao động trong đó 89% là lao động khu vực nông thôn.

2.2.3.2. *Cấp trình độ đào tạo*

Hiện nay các TTDN của huyện mới dừng lại ở việc đào tạo cấp chứng chỉ sơ cấp nghề.

Từ năm 2012, Trung tâm Dạy nghề huyện Hiệp Hòa liên kết với trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Hà Nội tuyển sinh và đào tạo hệ Trung cấp nghề cho đối tượng là học sinh tốt nghiệp THCS, THPT trên địa bàn toàn huyện. Đối với các em học sinh tốt nghiệp THCS, trong 3 năm học Trung cấp nghề các em được học song song chương trình Bổ túc văn hóa THPT, khi tốt nghiệp các em sẽ được cấp 2 bằng: bằng Trung cấp nghề và bằng Bổ túc văn hóa THPT (do Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội cấp).

Bên cạnh đó các trung tâm dạy nghề của huyện phối hợp với Trường Cao đẳng nghề của tỉnh và trung tâm dạy nghề của tỉnh triển khai các khóa đào tạo tại địa phương.

Các TTDN đều được giao chỉ tiêu dạy nghề miễn phí cho lao động nông thôn. Chỉ tiêu giao muộn (khoảng tháng 4, tháng 5 hàng năm), thời gian đào tạo liên tục 3 tháng, trong đó 90 lý thuyết và 312 tiết thực hành tại cơ sở, kiểm tra, thi kết thúc cuối khóa. Các văn bản hướng dẫn thường xuyên thay đổi theo năm, ban hành muộn. Kinh phí chỉ được trả khi dạy xong và quyết toán, các TTDN rất khó khăn trong huy động kinh phí để dạy nghề. Hơn nữa, thời gian dạy liên tục nên học viên nghỉ học nhiều để kiếm sống vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và duy trì sĩ số.

Nhận thức của lao động nông thôn về công tác đào tạo nghề và giải

quyết việc làm còn hạn chế, nhiều lao động nông thôn thường xuyên nghỉ học vì những lý do như ma chay, hiếu hỉ... nên sĩ số lớp học thường không đảm bảo ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo; Trong các lớp đào tạo nghề có khoảng từ 10% đến 15% lao động nông thôn có trình độ văn hóa thấp, không có khả năng khéo léo nên không thể tiếp thu được những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp vì vậy sau khi học nghề không có khả năng tìm kiếm được việc làm. 5% đến 10% lao động nông thôn có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp rất kém lại không chịu khó học tập và rèn luyện nên tay nghề thấp. Những hạn chế từ phía người học cũng đã ảnh hưởng rất nhiều đến chương trình và quy mô lớp học.

2.2.3.3. Ngành nghề đào tạo

Hiệp Hòa là một huyện trung du của tỉnh Bắc Giang, là một huyện thuần nông, sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa. Năm 2014 số hộ tham gia làm ngành nghề nông thôn trên địa bàn huyện là 2.160 hộ, tạo việc làm cho 5.825 lao động chiếm khoảng 5,93% lực lượng lao động toàn huyện. Hiện nay các Ngành nghề nông thôn của huyện cũng khá đa dạng và phong phú. Theo kết quả khảo sát ngành nghề nông thôn của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hiệp Hòa thì đến nay trên địa bàn huyện có các ngành nghề nông thôn như: nghề mây tre đan, nghề mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, chế biến nông sản thực phẩm, nghề may, nghề Làm hương, nghề Dát Bạc, sản xuất gạch xây dựng bằng đất sét nung và gạch không nung (Cay Ba Banh)... trong đó có một số nghề mới được du nhập vào địa bàn như nghề Làm hương, nghề Dát Bạc, sản xuất gạch xây dựng không nung (Cay Ba Banh). Trong các Ngành nghề nông thôn nói trên thì trong những năm gần đây có một số nghề phát triển khá mạnh tạo được nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động tại địa phương như nghề mộc dân dụng, nghề mây tre đan, nghề sản xuất gạch xây dựng không nung (Cay Ba Banh).

Việc các ngành nghề nông thôn phát triển đã tác động rất lớn đến các ngành nghề đào tạo. Mặt khác do Hiệp Hòa đang đẩy mạnh phát triển công nghiệp, các doanh nghiệp hoạt động trong nhóm ngành công nghiệp thuộc các lĩnh vực: dệt may, chế biến nông sản thực phẩm, cơ khí, da giày, may mặc, điện tử cũng được mở rộng về quy mô và tăng lên về số lượng, điều này đã giải quyết được một lượng lao động nông thôn lớn của huyện tránh khỏi tình trạng thất nghiệp.

Theo thông kê của huyện tại các cơ sở đào tạo chính quy trên địa bàn huyện thì các nghề được học viên lựa chọn chủ yếu là nghề may công nghiệp, cơ khí điện tử. Còn tại các cơ sở sản xuất nhỏ, các hộ gia đình tham gia sản xuất các ngành nghề nông thôn chủ yếu là truyền nghề. Các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi có số lượng học viên ít và ngày càng giảm.

Nhìn chung hiện nay, hầu hết các địa phương trong tỉnh nói chung và Hiệp Hòa nói riêng mới chỉ chọn một số nghề nông nghiệp để triển khai đào tạo, hay nói đúng hơn là bồi dưỡng kiến thức cho người nông dân để họ biết vận dụng một cách khoa học vào sản xuất trên nền tảng có sẵn. Các nghề phi nông nghiệp cũng vẫn dựa trên những gì đang có của người nông dân như nghề may, nghề mây tre đan, nghề mộc,...

2.2.4. Hình thức đào tạo

Dạy nghề nói chung và dạy nghề cho lao động nông thôn nói riêng cần có các hình thức dạy nghề phù hợp với các đối tượng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Các hình thức dạy nghề hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tương đối đa dạng, linh hoạt về thời gian, trình độ, đối tượng và cách thức tổ chức. Dưới đây là một số hình thức dạy nghề đang triển khai trên địa bàn huyện Hiệp Hòa:

✚Phân theo thời gian:

Đào tạo ngắn hạn: Hầu hết các cơ sở dạy nghề trên địa bàn huyện đang thực hiện hình thức dạy nghề ngắn hạn. Thời gian dạy nghề ngắn hạn phù hợp

với việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Hình thức này hiện nay được nhiều lao động lựa chọn vì ngoài thời gian linh hoạt, có thể từ vài ngày đến vài tháng tùy theo nghề đào tạo còn có nhiều ngành nghề cho họ có thể lựa chọn phù hợp với nhu cầu và khả năng của mình. Ngoài ra hình thức này còn đáp ứng nhanh chóng nhu cầu thị trường lao động, cũng như nhu cầu có việc làm và có thu nhập của người học nghề. Tuy nhiên, đào tạo ngắn hạn cũng có những mặt hạn chế nhất định. Hạn chế của hình thức này hiện nay là quy mô đào tạo nhỏ, do các trang thiết bị dạy và học nghề ở các cơ sở dạy nghề, đặc biệt là trung tâm dạy nghề còn thô sơ, thiếu đồng bộ.

Đào tạo dài hạn: Hình thức này được áp dụng ở Trung tâm Hiệp Hòa, thời gian kéo dài từ 18 – 36 tháng tùy theo đối tượng tuyển sinh. Với thời gian học, lao động được đào tạo dưới hình thức này sẽ được học tập một cách bài bản, chuyên sâu hơn để nâng cao tay nghề và có chuyên môn vững vàng. Đào tạo dài hạn là một biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động, đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước, khu vực và thế giới. Tuy nhiên, nó hạn chế lượng đầu vào và chưa thực sự phù hợp với bộ phận lao động nông thôn do thời gian học dài và ngành nghề đào tạo ít. Với những người tốt nghiệp THCS hoặc THPT không có điều kiện tham gia học Đại học sẽ phù hợp với quá trình đào tạo của hình thức này. Đối tượng này có năng lực tiếp thu nhanh, có tính cơ động cao trong quá trình học nghề và tìm kiếm việc làm sau khi học nghề.

Tuy nhiên, quy mô đào tạo hiện nay theo hình thức này còn nhỏ, chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của bộ phận lao động thanh niên của địa phương. Một bộ phận lao động nông thôn có nhu cầu nhưng do điều kiện thời gian, kinh phí nên không theo học được. Hình thức này nếu không có sự đầu tư kinh phí, ưu tiên cho bộ phận lao động nông thôn, lao động nghèo... thì sẽ có một bộ phận không nhỏ lao động nông thôn không tiếp cận được.

Theo thống kê thì đào tạo ngắn hạn là hình thức được các học viên lựa

chọn nhiều tại Hiệp Hòa.

✚ *Hình thức liên kết đào tạo:* Những năm qua, trung tâm dạy nghề đã chủ động phối hợp với các trường trên địa bàn tỉnh; các doanh nghiệp ngay tại địa phương thành lập các lớp dạy nghề. Với hình thức liên kết đào tạo đã đáp ứng được một bộ phận lớn nhu cầu của người học. Tại các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, phần lớn sau khi vào công ty người lao động sẽ được đào tạo lại hoặc đào tạo mới.

✚ *Truyền nghề:* đây là hình thức dạy nghề phổ biến và được áp dụng rộng rãi tại các làng nghề nói chung và tại Hiệp Hòa nói riêng. Đây là hình thức đào tạo được áp dụng tại các hộ gia đình, cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn tại huyện. Hình thức này có ưu điểm là không tốn kém, người học nghề không phải đi xa, ngoài ra còn giữ lại được nghề truyền thống của địa phương.

✚ *Chương trình Hỗ trợ kinh phí (chương trình 1956 hoặc hỗ trợ của địa phương).* Với hình thức đào tạo này, người lao động sẽ ngân sách nhà nước, địa phương chi trả toàn bộ hoặc một phần kinh phí đào tạo, các lớp đào tạo được mở ra với số lượng học viên và kinh phí cho phép.

✚ *Hình thức dạy nghề lưu động:* từ khi Đề án 1956 đi vào triển khai đến nay, hình thức dạy nghề lưu động càng phát huy được hiệu quả. Các TTDN đã phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện đào tạo các nghề phi nông nghiệp như: đan mây tre, may công nghiệp, các nghề truyền thống của địa phương,...

Qua nghiên cứu cho thấy, những năm qua các cơ sở dạy nghề đã chủ động mở rộng các hình thức đào tạo nghề nhằm thu hút được người học, đặc biệt đối tượng là những lao động nông thôn. Các hình thức này đang được triển khai tương đối linh hoạt về thời gian và trình độ. Tuy nhiên, xác định được các hình thức dạy nghề phù hợp với đối tượng và điều kiện tình hình cụ thể của địa phương là vấn đề cần quan tâm và giải quyết sớm. Cần tiến hành kiểm tra, xem xét hình thức nào đang triển khai phù hợp cần tiếp tục nhân

rộng, hình thức nào chưa thực sự phù hợp thì cần nghiên cứu, tìm biện pháp khắc phục. Đặc biệt cần quan tâm xem các địa phương khác đang triển khai hình thức đào tạo có hiệu quả có phù hợp với điều kiện cụ thể của Huyện thì cần triển khai trong thời gian tới. Giải quyết tốt các vấn đề trên không chỉ giúp cho bộ phận lao động huyện được học nghề mà còn có cơ hội tìm kiếm được việc làm có thu nhập ổn định. Qua đó, Huyện cũng đã giải quyết được phần nào các vấn đề: giải quyết việc làm cho người lao động, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn lao động... đồng thời giúp cho huyện có bước tăng trưởng kinh tế cao hơn, đảm bảo an sinh xã hội

2.2.5. Tổ chức và quản lý đào tạo nghề huyện Hiệp Hòa

Bộ phận chịu trách nhiệm quản lý đào tạo là phòng Lao động thương binh và xã hội của huyện. Hàng năm ngân sách Trung ương và địa phương sẽ chi một khoản nhất định cho việc thực hiện công tác quản lý đào tạo nghề của huyện. Nguồn ngân sách này chiếm khoảng 10% tổng kinh phí đào tạo cho lao động nông thôn, điều này đã tạo thuận lợi cho việc quản lý đào tạo nghề của huyện.

2.2.6. Kết quả đào tạo

**Bảng 2.8. Số lượng lao động nông thôn được đào tạo huyện Hiệp Hòa
giai đoạn 2010-2014**

DVT: người

Tiêu chí	Đơn vị	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng số lao động		89.012	90.100	93.545	96.673	98.145
Lao động nông thôn	Người	82.241	83.457	85.145	86.890	87.412
Số lao động nông thôn được đã qua đào tạo	Người	10.934	13.890	16.231	20.120	22.698
Trong đó: Số lao động nông thôn tham gia đào tạo nghề	Người	1.450	1.890	2.300	2800	3.100

(Nguồn: Phòng Lao động TB&XH Hiệp Hòa, tháng 12/2014 và tính toán)

Hiệp Hòa là một huyện thuần nông, dân số chủ yếu sống ở nông thôn, năm 2014 nhân khẩu nông thôn chiếm tới 90,16% tổng dân số của huyện. Trong cơ cấu lao động, lao động nông thôn chiếm tỷ lệ lớn. Đối tượng đào tạo nghề hướng đến chính là lao động nông thôn, với số lượng và chất lượng (toàn huyện có tới 77,5% lao động chưa qua đào tạo) lao động như hiện nay thì đây thật sự là thách thức với Hiệp Hòa. Với đặc điểm của lao động nông thôn như thiếu tính kỷ luật, tác phong nông nghiệp,... thì việc mở lớp và duy trì lớp cũng là một vấn đề quan trọng, nhất là các lớp được mở theo chương trình 1956 hoặc địa phương tổ chức.

Qua bảng số liệu có thể thấy, từ năm 2010 đến năm 2014 số lao động nông thôn tăng lên 1,06 lần (5.171 người), năm 2014 số lao động nông thôn chiếm 89,06% so với năm 2010 là 92,39% giảm 3,33%, nguyên nhân là do Quy hoạch mở rộng thị trấn của tỉnh.

Số lao động nông thôn đã qua đào tạo trong 5 năm tăng 2,08 lần (11.764 người) là do nhận thức của người dân trong việc học, nhiều hộ nông dân mặc dù kinh tế còn khó khăn nhưng vẫn quyết tâm cho con em mình đi học.

Số lao động nông thôn được tham gia đào tạo nghề tăng 2,1 lần (1.650 người), nguyên nhân là do thực hiện chương trình 1956, nhiều hộ gia đình đã được hỗ trợ học nghề. Mặt khác có thể thấy người dân đã có nhận thức hơn về lợi ích của việc học nghề, thay vì cho con em học đại học.

Tuy nhiên, qua bảng số liệu có thể nhận thấy số lao động nông thôn tham gia đào tạo nghề chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số lao động nông thôn đã qua đào tạo, năm 2014 chiếm 13,7%.

Bảng 2.9. Cơ cấu lao động nông thôn được đào tạo nghề phân theo đối tượng

Năm Nội dung	2010		2011		2012		2013		2014	
	Số người (người)	Tỷ lệ (%)	Số người (người)	Tỷ lệ (%)	Số người (người)	Tỷ lệ (%)	Số người (người)	Tỷ lệ (%)	Số người (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số đào tạo	1.450	100	1.890	100	2.300	100	2.800	100	3.100	100
Phân theo giới tính										
Nam	640	44,12	890	47,09	1.100	47,83	1.350	48,21	1.450	46,78
Nữ	810	55,88	1000	52,91	1.200	52,17	1.450	51,79	1650	53,22
Phân theo tính chất										
Chương trình 1956	150	10,34	200	10,58	250	10,89	320	11,43	400	12,90
Đối tượng khác	1.300	89,66	1.690	89,42	2.050	89,11	2.480	88,57	2.700	87,10

(Nguồn: Kết quả điều tra Phòng LĐ-TB&XH Hiệp Hòa 2010-2014)

Đối tượng đào tạo nghề phân theo giới tính: trong cơ cấu lao động nông thôn được đào tạo nghề hàng năm từ năm 2010 đến năm 2014, thì lao động nữ chiếm tỷ lệ lớn hơn, do Hiệp Hòa phát triển một số ngành cần nhiều lao động nữ. Ngoài ra, do tư tưởng trọng nam kinh nữ của người phương Đông, nữ không cần học nhiều, nếu gia đình không có điều kiện thì sau khi học xong THPT thậm chí THCS có thể nghỉ học để đi làm.

Đối tượng đào tạo nghề phân theo tính chất: nhìn vào bảng số liệu có thể thấy, lao động nông thôn được đào tạo theo chương trình 1956 của chính phủ chiếm tỷ lệ nhỏ, năm 2014 là 12,9%, chủ yếu vẫn là lao động không thuộc diện hỗ trợ.

Ngoài ra, khi phân loại đối tượng đào tạo nghề có thể phân theo lứa tuổi, chưa có số liệu chính thức nhưng có thể nhận thấy lao động thanh niên là

chủ yếu, lao động ở độ tuổi trung tuổi chiếm tỷ lệ nhỏ chủ yếu được đào tạo theo chương trình 1956 hoặc hỗ trợ của địa phương.

2.2.7.Đánh giá hiệu quả đào tạo

Qua thống kê phiếu khảo sát thực tế của Chi cục thống kê và Phòng lao động huyện về học viên tham gia học nghề năm 2014 có 1.824 người có việc làm đạt 71,3% gồm: 784 người được doanh nghiệp tuyển dụng, chiếm 42,9% so với số người có việc làm (các nghề: May dân dụng, may công nghiệp, xây dựng dân dụng, điện dân dụng, hàn); 207 người được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm, chiếm 11,3% so với người có việc làm (các nghề: Mây tre đan kỹ nghệ, dệt thổ cẩm); 583 người tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn (tự tạo việc làm) chiếm 32 % so với người có việc làm (các nghề: Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gà, trồng và chăm sóc cây lúa, dệt, mây tre đan); 610 người chuyển đổi nghề sau đào tạo nghề chiếm 33,4 %

- Đánh giá từ học viên

Bảng 2.10: Kết quả điều tra ý kiến người đăng ký học nghề tại 3 TTDN

Nội dung	Trung tâm dạy nghề		
	Hiệp hòa	Xuân Xuân	Hà Phong
Số người điều tra xin ý kiến	50	50	50
1.Số người đến học có nhu cầu từ bản thân	45	47	48
2.Số người biết được thông tin từ			
-Do có thông tin từ UBND xã, thị trấn	50	0	14
-Do bạn bè cung cấp	0	6	17
-Do tuyên truyền, quảng cáo của TTDN	0	44	19
3.Hài lòng về phương pháp dạy nghề	14	12	48
4.Hài lòng về CSVC và thiết bị của TTDN	22	25	40

(Nguồn: kết quả điều tra thực tế, tháng 3,6 năm 2015)

Bảng cho thấy kết quả điều tra học viên đến đăng ký học nghề, đã thu được rất nhiều ý kiến, giúp cho việc đánh giá tương đối chính xác về kết quả hoạt động tuyển sinh, tư vấn của các TTDN. Phần lớn người học xuất phát từ nhu cầu bản thân muốn học nghề và có việc làm, tuy nhiên việc tiếp cận với thông tin tuyển sinh đào tạo nghề của người dân còn gặp nhiều khó khăn. Kết quả điều tra cho thấy, TTDN Hiệp Hòa chưa chú trọng tới tuyên truyền quảng cáo mà chủ yếu qua con đường hành chính, trong khi TTDN Xuân Xuân đã quan tâm đúng mức công tác tuyên truyền quảng cáo còn TTDN Hà Phong kết hợp hài hòa cả tuyên truyền và con đường hành chính nhà nước. Đây là một khâu rất quan trọng đối với bất cứ một cơ sở dạy nghề nào, nhận thức rõ được vai trò là các trung tâm sẽ có nhiều học viên đến đăng ký đồng nghĩa với việc hàng năm sẽ có nhiều học viên được học nghề.

Số người hài lòng về phương pháp dạy nghề và phong cách truyền nghề mà giáo viên đang áp dụng tại TTDN Hiệp Hoà và Xuân Xuân rất thấp (dưới 30%), người học nghề cho rằng các thầy cô giáo dạy kiến thức chủ yếu về lý thuyết, chưa sát với thực tế, rất khó vận dụng vào thực tiễn. Riêng tại TTDN Hà Phong, người học được học lý thuyết gắn liền với thực hành tại xưởng sản xuất của Công ty nên người học rất hài lòng (96%) về phương pháp dạy nghề và phong cách truyền nghề mà giáo viên đang áp dụng trong đào tạo. Dưới 50% số người học được hỏi tại TTDN Hiệp Hoà và Xuân Xuân hài lòng về cơ sở vật chất và thiết bị của Trung tâm, họ cho rằng trang thiết bị dạy nghề còn thiếu và lạc hậu. Tại TTDN Hà Phong 100% số người được hỏi rất hài lòng về CSVC của TTDN, do TTDN đã được đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại để đào tạo và sản xuất, từ nguồn kinh phí của công ty

Bảng 2.11: Kết quả điều tra ý kiến học viên đã học xong tại 3 TTDN

	Trung tâm dạy nghề		
	Hiệp Hòa	Xuân Xuân	Hà Phong
1.Số người điều tra xin ý kiến(người)	50	50	50
2.Số người đi làm đúng với nghề đã được học(người)	35	41	49
3.Mức thu nhập bình quân tháng (1000 đồng)	3250	3700	3500
4.Số người muốn học lên bậc học cao hơn(người)	41	45	48
5.Số người học xong được giới thiệu việc làm(người)	21	32	47
6.Số người học xong tự tìm được việc làm(người)	7	8	0
7.Số người học xong không tìm được việc làm(người)			
-Do tay nghề còn non kém	12	2	0
-Lý do khác	4	3	0

(Nguồn: kết quả điều tra thực tế, tháng 5 năm 2015)

Mỗi TTDN đều có những thế mạnh khác nhau trong đào tạo nghề, qua đó người học nghề ở mỗi TTDN cũng tìm được việc làm ở những mức độ khác nhau, điều này ảnh hưởng đến kết quả tạo việc làm cho lao động khi đã học nghề tại các TTDN. Các TTDN cần phải nhận thức rõ được thế mạnh và điểm yếu của mình để từ đó làm tốt công tác dạy nghề cho người lao động.

Qua khảo sát nhìn chung 3 TTDN được điều tra đã làm rất tốt công tác tư vấn, tuy nhiên với TTDN Hiệp Hòa và Xuân Xuân, cơ hội tìm kiếm việc làm cho người lao động còn thấp, thu nhập không cao bằng các học viên đã học tại TTDN Hà Phong. Qua kết quả phỏng vấn học viên đã học xong nghề, chúng tôi thấy ở TTDN Hiệp Hoà, học viên có ý kiến cho rằng thời gian dạy nghề liên tục 3 tháng tại Trung tâm rất khó cho người học vì người học phải đi xa để học nghề vì còn phải lao động để kiếm sống vì thế tay nghề người lao

động còn non kém khó tìm được việc làm.

Số lao động muốn học lên bậc học cao hơn chiếm tỷ lệ rất lớn đây là tín hiệu rất mừng để các TTDN nắm bắt giúp phát triển đào tạo nghề cho các TTDN.

Bảng 2.12. Kết quả điều tra người học nghề tại 3 TTDN

Đơn vị: Người

Nội dung	Trung tâm dạy nghề		
	Hiệp hòa	Xuân Xuân	Hà Phong
Số người điều tra xin ý kiến	50	50	50
1.Lao động chuyển đổi nghề	12	16	24
Chương trình dạy nghề không phù hợp	11	14	18
Thời gian học nghề không phù hợp	10	13	18
2.Lao động vùng chuyên canh	6	8	9
Chương trình dạy nghề không phù hợp	4	8	7
Thời gian học nghề không phù hợp	6	6	5
3.Lao động trong các làng nghề	13	11	8
Chương trình dạy nghề không phù hợp	11	8	6
Thời gian học nghề không phù hợp	12	9	6
4.Lao động thuần nông	19	15	19
Chương trình dạy nghề không phù hợp	16	13	15
Thời gian học nghề không phù hợp	17	12	16

(Nguồn: kết quả điều tra thực tế, tháng 5 năm 2014)

-Đánh giá từ giáo viên và cán bộ quản lý

Ý kiến đóng góp của GV và CBQL là những người trực tiếp tạo ra kết quả đào tạo của các TTDN là rất quý báu, giúp lãnh đạo đơn vị biết rõ chất lượng của mình và năng lực của đơn vị, từ đó có bước đi đúng hướng để đạt kết quả cao.

Qua điều tra, phỏng vấn phần lớn GV và CBQL cho rằng điều kiện CSVC của Trung tâm chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo; thiếu trang thiết bị hiện đại, đồng bộ. 100% GV được hỏi ý kiến cho rằng việc kết chặt chẽ giữa dạy nghề và tạo việc làm và nâng cao tay nghề là rất cần thiết; 100% GV và CBQL cho rằng sự cân đối giữa dạy tại TTDN và trực tiếp xuống các công ty, xí nghiệp thực tập là rất hợp lý. Số GV và CBQL cho rằng số lượng đầu nghề mà cơ sở đang lựa chọn dạy là chưa phù hợp, cần mở rộng thêm nghề đào tạo. Việc mở thêm nhiều ngành học, đào tạo nhiều cấp học (sơ cấp nghề; trung cấp nghề; cao đẳng nghề...) là rất cần thiết với các TTDN.

Bảng 2.13: Kết quả điều tra ý kiến của GV và CBQL tại 3 TTDN

DVT: Người

	Trung tâm dạy nghề		
	Hiệp hòa	Xuân Xuân	Hà Phong
1.Số GV và CBQL	15	15	15
2.CSVC của TTDN chưa đáp ứng được với yêu cầu	8	7	7
3.Số đầu nghề mà TTDN đang đào tạo là phù hợp	4	6	6
4.Thực tập tại các doanh nghiệp là rất cần thiết	15	15	15
5.Tuyên truyền quảng bá của TTDN là hiệu quả	5	6	6
6.Cần phát triển đào tạo nghề đa dạng, nhiều bậc học	15	15	15
7.Đa số học nghề xong sẽ tìm được việc làm	8	7	7
8.Kết hợp phát triển đào tạo nghề và tạo việc làm và nâng cao tay nghề là rất cần thiết	15	15	15

(Nguồn: Kết quả điều tra thực tế, tháng 5 năm 2015)

**Bảng 2.14. Kết quả điều tra ý kiến cán bộ quản lý và giáo viên về
MHĐTN**

Nội dung	Trung tâm dạy nghề		
	Hiệp hòa	Xuân Xuân	Hà Phong
Số người điều tra xin ý kiến	10	10	10
1.Lao động chuyển đổi nghề			
Chương trình dạy nghề không phù hợp	6	3	2
Thời gian học nghề không phù hợp	8	7	5
2.Lao động vùng chuyên canh			
Chương trình dạy nghề không phù hợp	8	9	8
Thời gian học nghề không phù hợp	9	7	8
3.Lao động trong các làng nghề			
Chương trình dạy nghề không phù hợp	7	9	9
Thời gian học nghề không phù hợp	8	6	9
4.Lao động thuần nông			
Chương trình dạy nghề không phù hợp	10	8	9
Thời gian học nghề không phù hợp	9	10	8

(Nguồn: kết quả điều tra thực tế, tháng 5 năm 2014)

Qua điều tra, phỏng vấn chúng tôi thấy theo quy định của Sở Lao động –TB&XH Bắc Giang thì tất cả các TTDN trên địa bàn tỉnh nói chung và 3 TTDN ở huyện Hiệp Hòa nói riêng đều thực hiện theo một giáo trình “**cứng**” tổ chức theo lớp cố định, tập trung, nội dung giáo trình giống hệt nhau cho tất cả các đối tượng học nghề. Thời gian học nghề 3 tháng liên tục tại cơ sở dạy nghề, học viên không hứng thú với nội dung học, trong thời gian học học viên không có thu nhập để trang trải cuộc sống; nội dung lý thuyết không sát thực tế, thực hành không đúng theo quy trình sản xuất của doanh nghiệp. Vì thế học viên thường bỏ học hoặc không tham gia đầy

đủ thời gian học.

- Đánh giá từ phía doanh nghiệp sử dụng lao động đã học nghề tại các TTDN

Kết quả điều tra phỏng vấn cho thấy số người học xong chưa làm việc được ngay, phải đào tạo thêm 537 người trong số 1273 người làm việc tại 3 doanh nghiệp (Công ty PILCO VINA, Công ty May 10, Công ty Hà Phong), chiếm tỷ lệ khá cao (42,2 %). Số người có nhu cầu học thêm ở trình độ cao hơn (Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề) là 593 người, chiếm tỷ lệ 45,6 %. Đây là nguồn cầu rất lớn giúp phát triển dạy nghề tại các TTDN. Về chương trình đào tạo và thời gian đào tạo phần lớn cho rằng không phù hợp, việc dạy liên tục 3 tháng liên tục với chương trình dạy cho các đối tượng lao động (chuyển đổi nghề, trong các làng nghề, vùng chuyên canh, thuần nông) như nhau, cứng nhắc rất khó tạo cho người học điều kiện học và thực hành nghề có kết quả cao; đặc biệt với lao động trong các làng nghề, vùng chuyên canh, thuần nông họ không thể theo học liên tục như vậy bởi họ còn phụ thuộc vào thời vụ, mùa màng...

Bảng 2.15. Kết quả điều tra ý kiến của các DN sử dụng lao động

	Trung tâm dạy nghề			
	PILCO VINA	May 10	Hà Phong	Tổng cộng
1.Số lao động tại doanh nghiệp	438	125	710	1.273
2.Số người đến làm việc được ngay	213	34	489	736
3.Số người có nhu cầu đào tạo nâng cao	136	63	394	593
4.Đánh giá chương trình, nội dung đào tạo	15	15	15	45
- Phù hợp	2	2	5	10
-Không phù hợp	13	12	10	35
5.Đánh giá về thời gian đào tạo	15	15	15	45
-Phù hợp	0	1	2	3
-Ý kiến khác	15	14	13	42

(Nguồn: Kết quả điều tra thực tế, tháng 5 năm 2015)

2.3. Yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2.3.1. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Cũng như tất cả các TTDN toàn quốc, các TTDN ở huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang cũng đạt được những kết quả đào tạo và có những khó khăn yếu kém, hạn chế như các TTDN toàn quốc.

Trên địa bàn huyện hiện có 3 TTDN đang hoạt động, đó là TTDN huyện Hiệp Hòa trực thuộc UBND huyện, TTDN Xuân Xuân là đơn vị dạy nghề tư thực và TTDN Hà Phong thuộc Công ty cổ phần Hà Phong. Các trung tâm này chịu sự quản lý về chuyên môn của Sở Lao động – TB&XH tỉnh Bắc Giang, chịu sự quản lý nhà nước về dạy nghề của Phòng Lao động – TB&XH huyện Hiệp Hòa. Các TT hoạt động trên cơ sở tuân thủ Luật Giáo dục nghề nghiệp và Quy chế mẫu của TTDN ban hành Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ- BLĐT BXH ngày 14 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nhiệm vụ lớn lao là vậy nhưng các Trung tâm này vẫn còn nghèo nàn về cơ sở vật chất, thiết bị, mặt bằng nhà xưởng còn chật chội, đội ngũ giáo viên còn thiếu nhiều, các thiết bị quan trọng của công tác dạy nghề hầu như chưa được đồng bộ. Kinh phí đã được cấp trên hỗ trợ hàng năm nhưng do nguồn thu học phí, lệ phí quá thấp hoặc không có vì vậy mới chỉ đủ trang trải ở mức tối thiểu cho hoạt động dạy và học. Mặt khác do quy định của Nhà nước về dạy nghề còn nhiều bất cập, khó khăn cho nhiệm vụ phát triển dạy nghề của huyện nói riêng và của toàn tỉnh nói chung.

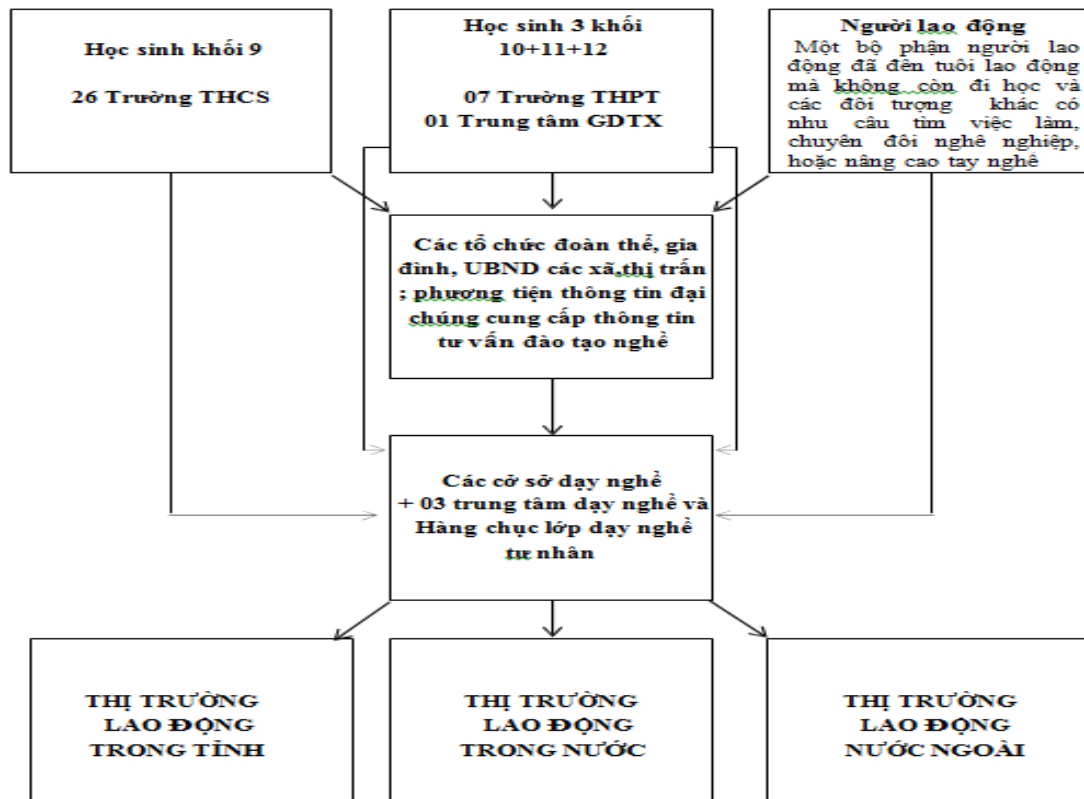
Hiệp Hòa là huyện duy nhất trong tỉnh có đủ cả 3 loại hình (Công lập, tư thực, thuộc doanh nghiệp) tiêu biểu đại diện cho các TTDN trong tỉnh.

TTDN Hiệp Hòa là TTDN công lập thuộc UBND huyện Hiệp Hòa là đơn vị chủ lực trong huyện thực hiện dạy nghề cho lao động trên địa

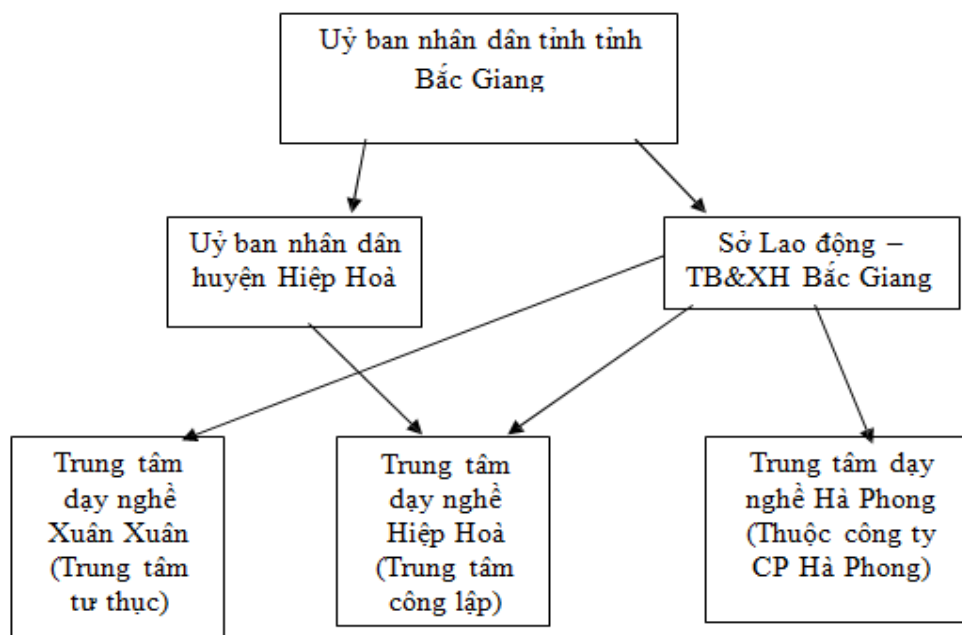
bàn huyện; sử dụng biên chế, cơ sở vật chất, kinh phí từ nguồn nhà nước cấp, hoạt động mang tính công ích xã hội cao.

TTDN Xuân Xuân là loại hình tự thực do cá nhân đầu tư kinh phí thành lập, hoạt động dạy nghề và giới thiệu việc làm; thực hiện nhiệm vụ dạy nghề do Sở Lao động - TBXH Bắc Giang giao và từ nhu cầu xã hội.

TTDN Hà Phong là TTDN thuộc doanh nghiệp thành lập và đầu tư để dạy nghề theo chỉ tiêu Sở lao động –TBXH Bắc Giang giao, và dạy nghề miễn phí để đáp ứng nhu cầu lao động của doanh nghiệp chủ quản.



Hình 2.2: Quy trình đào tạo nguồn nhân lực tại các TTDN ở huyện



Hình 2.3: Sơ đồ phân cấp quản lý hệ thống các TTDN ở huyện Hiệp Hoà

Hình 2.3 cho thấy hiện nay ở huyện Hiệp Hòa việc phân cấp quản lý các TTDN còn chưa thống nhất. TTDN công lập (Hiệp Hòa) chịu sự quản lý của cả Sở Lao động Thương binh và Xã hội đồng thời chịu sự quản lý của UBND huyện; TTDN tư thực (Xuân Xuân) và TTDN thuộc doanh nghiệp (Hà Phong) chịu sự quản lý của Sở Lao động Thương binh và Xã hội. Điều này làm dẫn đến hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dạy nghề còn nhiều hạn chế, dẫn đến sự gắn kết giữa các trung tâm trong thực hiện nhiệm vụ dạy nghề chưa thống nhất.

2.3.2. Hệ thống Cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo nghề

Một trong những điều kiện quan trọng trong việc phát triển đào tạo nghề và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn là cơ sở vật chất. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tốt sẽ cho phép mở rộng ngành nghề, hình thức đào tạo, nâng cao chất lượng và thu hút người học. Hiện nay, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho dạy nghề của trung tâm dạy nghề tỉnh nói chung, của huyện Hiệp Hòa nói riêng cũng như các cơ sở khác (lớp học cộng đồng và

các làng nghề...) đang trong tình trạng thiếu hụt và đang trong quá trình xây dựng, đầu tư trang thiết bị. Học viên ít được tiếp xúc với máy móc thiết bị mới, công nghệ tiên tiến để thực hành, thực tập. Nhận thức được tầm quan trọng của việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho đào tạo nghề, tỉnh và huyện đang tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề công lập của huyện.

Bảng 2.16. Tình hình đầu tư về cơ sở vật chất của 3 TTDN

Danh mục	ĐVT	Năm 2010	Năm 2014	So sánh 2014/2010
1. DT mặt bằng	m ²			45%
2. DT xây dựng		21775	30775	
+ Nhà tầng	m ²	1399	1699	23%
+ Nhà cấp 4	m ²	1620	1620	0%
3. Hội trường	Phòng	10	15	50%
4. Phòng học L. Thuyết	Phòng	60	78	30%
5. Phòng học T.Hành	Phòng	62	80	30%
6. Bàn ghế	Bộ	1500	2100	40%
7. Máy may dân dụng	Chiếc	230	230	0%
8. Máy may công nghiệp	Chiếc	200	450	125%
9. Máy hàn	Chiếc	40	40	0%
10. Máy vi tính	Bộ	200	400	100%
11. Thiết bị điện	Bộ	1000	2500	150%
12. Thiết bị thêu	Bộ	2000	5000	250%
13. Phòng khách	Phòng	10	18	80%
14. Phòng làm việc	Phòng	40	56	40%

(Nguồn: Phòng LĐ-TB&XH Hiệp Hòa, năm 2014)

Đánh giá chung về cơ sở vật chất: mặc dù trong 5 năm gần đây cán bộ giáo viên các Trung tâm đã phát huy hết nội lực, tranh thủ mọi nguồn tài trợ giúp đỡ để trang bị cơ sở vật chất phục vụ tốt hơn cho công tác dạy nghề song nhìn chung cơ sở vật chất của các TTDN còn thiếu nhiều so với yêu cầu đề ra. Ví dụ: Phòng máy may công nghiệp của TTDN Hiệp

Hòa và TTDN Xuân Xuân lẽ ra phải có đầy đủ các loại máy (theo đúng tiêu chuẩn của các công ty may) gồm máy may 2 kim điện tử, máy cắt, máy đột dập khuy, máy vắt sổ, bàn là hơi... phục vụ cho đào tạo máy may công nghiệp. Tại TTDN Hiệp Hòa và TTDN Xuân Xuân mới chỉ có 450 máy may công nghiệp 1 kim; số máy may dân dụng không còn dùng để đào tạo vì không có người học may dân dụng; không có máy may điện tử, máy thừa khuy. Hiện tại thị trường đang cần dùng rất nhiều công nhân lành nghề, sử dụng thành thạo trang thiết bị hàn cao (2G, 3G, 4G) thì Trung tâm mới chỉ đầu tư được những trang thiết bị hàn thông thường). Xưởng thực hành điện cơ khí của các Trung tâm còn nghèo nàn

2.3.3. Cán bộ quản lý và giáo viên

Về biên chế, nhân lực: Theo nhu cầu thực tế và Luật Giáo dục nghề nghiệp, thì khối lượng công việc mà các Trung tâm đang thực hiện yêu cầu tối thiểu phải có một giám đốc, hai phó giám đốc, một tổ trưởng đào tạo, một kế toán và khoảng 45 giáo viên, so với nhu cầu thì đội ngũ giáo viên của các trung tâm còn thiếu rất nhiều. Để hoàn thành tốt các khối lượng công việc, các Trung tâm đã phải ký hợp đồng với khoảng 30-60 giáo viên và các nghệ nhân, người lao động lành nghề về Trung tâm cùng tham gia giảng dạy

Bảng 2.17. Đội ngũ cán bộ, giáo viên tại 3 TTDN

Danh mục	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Giám đốc	3	3	3	3	3
2. Phó Giám đốc	1	1	1	1	1
3. Hành chính	1	1	1	2	2
4. Giáo viên biên chế	21	21	25	29	34
5. Hợp đồng thời vụ	36	42	42	54	54

(Nguồn: Phòng LĐ-TB&XH Hiệp Hòa và tính toán, 2015)

Qua bảng trên chúng ta thấy từ năm 2010-2014 nhu cầu giáo viên tăng rất lớn, trong khi đó số lượng GV biên chế của 3 trung tâm mới chỉ tăng được có 7 người, giáo viên hợp đồng tăng 18 người. Tổng số GV thực dạy năm 2014 là 88, giáo viên hợp đồng chiếm tỷ lệ lớn 54/88, bằng 61,4%. Đây là một thách thức lớn cho công tác quản lý và phát triển đào tạo nghề. Số lượng giáo viên thiếu nhiều, trong khi nhu cầu dạy ngày càng nhiều, nhu cầu học nghề ngày càng cao, đây thực sự là một thách thức lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động dạy nghề trong những năm qua.

Tóm lại, qua xem xét đặc điểm của huyện và các TTDN, chúng tôi thấy, Hiệp Hoà có điều kiện rất thuận lợi để phát triển đào tạo nghề vì: Có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Huyện uỷ, HĐND- UBND huyện và sự đồng thuận của các cơ quan đoàn thể, các cấp chính quyền; Vị trí địa lý thuận tiện, gần các khu công nghiệp lớn có nhu cầu sử dụng lao động rất lớn, số dân trong độ tuổi lao động rất lớn; số học sinh đang học ở các cấp rất nhiều, tỷ lệ học sinh không thi đỗ ĐH, CĐ rất lớn (khoảng 68%) đây là nguồn học sinh rất lớn cho dạy nghề; đầy đủ 3 loại hình TTDN, diện tích mặt bằng, nguồn giáo viên đảm bảo cho phát triển đào tạo nghề

Bảng 2.18: Kết quả điều tra năng lực GV và CBQL của 3 TTDN năm 2014

Danh mục	Số lượng	Đại học	Cao đẳng	THCN	NV Sư phạm	Tin học B	Ngoại ngữ A	GV cấp tỉnh
1.Hiệp Hoà	58	25	18	2	39	45	28	14
2.Xuân Xuân	30	7	4	11	16	22	12	1
3.Hà Phong	25	7	13	4	18	24	17	11
Tổng	113	39	35	17	73	91	57	25

(Nguồn: Phòng LĐ-TB&XH Hiệp Hoà và tính toán, 2015)

Chất lượng giáo viên là quan trọng đối với hoạt động dạy nghề, nhân tố này có tính chất quyết định tới thương hiệu của các TTDN, quyết định tới kết quả đào tạo của các Trung tâm. Vì vậy trong những năm qua, các Trung tâm đã đầu tư nâng cao chất lượng giáo viên và khuyến khích động viên tạo mọi điều kiện để những giáo viên thực sự có năng lực tham gia các hội thi lớn của tỉnh và toàn quốc. Tuy nhiên thành tích còn rất khiêm tốn, chưa có giáo viên đạt giải trong kỳ thi giáo viên giỏi cấp quốc gia

2.3.4. Một số yếu tố khác

Ngoài ra, còn một số nhân tố khác ảnh hưởng đến việc học nghề của lao động nông thôn như:

Về giáo dục: Sự nghiệp giáo dục và đào tạo chuyển biến tích cực về chất lượng dạy và học. Toàn huyện đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS; tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 99%, xét tốt nghiệp THCS đạt 95,07%, thi tốt nghiệp THPT đạt 90,42%. Công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên được quan tâm, số giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn tăng nhanh. Cơ sở, quy mô trường, lớp hàng năm được đầu tư kiên cố hóa, xây dựng mới đảm bảo cho việc dạy và học của các nhà trường: tỷ lệ phòng học được kiên cố bậc mầm non đạt 34,7%, bậc Tiểu học và THCS đạt 70%. Có 49 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 51%. Với tỷ lệ lớn học sinh sau khi học xong các cấp không đỗ vào đại học, cao đẳng, THCN là nguồn học sinh học nghề rất lớn cho các TTDN.

Chính sách của Nhà nước

Đảng và Nhà nước ta coi phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố có tính chất quyết định để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Nghị quyết Đại hội X của Đảng xác định: Tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu

công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho xuất khẩu lao động; tạo chuyển biến căn bản về chất lượng dạy nghề tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

Từ năm 2010 Chính phủ đã triển khai chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gọi tắt là Đề án 1956, điều này đã góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo nghề ở các địa phương trong cả nước.

Cơ chế chính sách có ảnh hưởng trực tiếp và quan trọng đến kết quả hoạt động của các TTDN. Đứng đầu là Luật giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục, các Nghị định, Thông tư và các văn bản của các cấp chính quyền. Nhìn chung trong những năm gần đây các TTDN đã có khung hành lang pháp lý tương đối đủ từ Trung ương đến địa phương để các TTDN thực hiện nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, trước mắt do yêu cầu của cơ chế thị trường, của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, của sự giao thoa giữa các nền kinh tế thế giới, sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ, vẫn cần phải có những chính sách tích cực, phù hợp hơn.

Nguồn tài chính: Nhu cầu học nghề của lao động nông thôn rất lớn, trong khi đó nguồn ngân sách trung ương cấp và ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm còn hạn chế chưa đáp ứng đủ nhu cầu học nghề của lao động nông thôn; hàng năm huyện được cấp kinh phí cho công tác dạy nghề theo “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn”. Nguồn kinh phí này được phân bổ cho hoạt động đào tạo và hoạt động phục vụ liên quan đến đào tạo nghề (bồi dưỡng giáo viên, xây dựng chương trình, giáo mà công tác đào tạo nghề của được đẩy mạnh, một bộ phận lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề. Đối với lao động không thuộc diện hỗ trợ, do điều kiện kinh tế khó khăn vì vậy chủ yếu họ chọn lựa các lớp học nghề ngắn hạn hoặc tham gia các lớp học nghề lưu động, học nghề từ những người có kinh nghiệm, tay nghề, các bậc chú, bác tại địa phương.

Chiến lược phát triển kinh tế địa phương: HĐND huyện đã thống nhất mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế- xã hội năm 2015 đó là tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp-dịch vụ- nông nghiệp; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa- xã; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; Giữ vững ổn định chính trị, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực hiệu quả chỉ đạo, điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 22 và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2011- 2015. Đồng thời HĐND huyện nhấn mạnh việc xây dựng nhiều cơ chế khuyến khích phát triển sản xuất, đa dạng hóa các ngành nghề. Với định hướng phát triển như vậy đã tác động rất lớn đến tâm lý của lao động nông thôn trong việc học nghề, hướng nghiệp.

Quá trình đô thị hóa: trong những năm qua, tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hoá diễn ra nhanh chóng trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Chỉ tiêu đến năm 2020, huyện Hiệp Hòa phấn đấu đưa tổng diện tích đô thị của huyện là hơn 1,9 nghìn ha (thị trấn Thăng mở rộng), chiếm 9,4% diện tích toàn huyện; xây dựng thị trấn Bách Nhân, phố Hoa; tập trung hoàn thành một số chỉ tiêu đô thị còn thấp như mật độ đường nội thị. Cùng với đó là các khu công nghiệp được hình thành và mở rộng đã mở ra cơ hội việc làm cho lao động địa phương. Số lao động nông thôn có công ăn việc làm tăng lên, nhưng đồng thời yêu cầu về chất lượng lao động là một vấn đề đặt ra đối chính quyền địa phương và bản thân người lao động. Địa phương buộc phải có những quyết sách để đẩy mạnh, phát triển công tác đào tạo nghề, nâng cao trình độ lao động, nhất là lao động thôn. Đối với người lao động, để

có cơ hội tìm được việc làm và thu nhập ổn định thì buộc họ phải học nghề, học việc hoặc tự nâng cao trình độ cho bản thân

Như vậy có thể thấy có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến việc học nghề của người lao động cũng như việc tổ chức thực hiện công tác dạy nghề của địa phương. Để thực hiện có hiệu quả đòi hỏi chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, người dân trong huyện cùng nỗ lực phối hợp để hoạt động đào tạo nghề đạt hiệu quả, tạo việc làm cho con em các hộ gia đình trong huyện.

2.4. Đánh giá chung về thực trạng đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn huyện

2.4.1. Những mặt đạt được

Hàng năm số học sinh tham gia học nghề đều tăng với đầy đủ các đối tượng như: Lao động tham gia học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp; lao động ở vùng chuyên canh tham gia học nghề để nâng cao tay nghề; lao động trong các làng nghề tham gia học nghề để tiếp cận với phương pháp dạy nghề bài bản, chính tắc; lao động thuần nông tham gia học nghề nhằm giúp cho quá trình sản xuất nông nghiệp đạt năng suất chất lượng cao, từng bước tiếp cận với nền kinh tế thị trường, sản xuất sản phẩm nông nghiệp theo hướng hàng hóa.

Để có được những kết quả tăng trưởng đáng khích lệ, trong thời gian qua các TTDN ở huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang đã vượt lên trên mọi khó khăn nội tại và thách thức bên ngoài, thị trường lao động ngày càng đòi hỏi cao, sức ép phía người học nghề về thời gian học. Các TTDN đã hoàn thành tốt những mục tiêu đề ra cụ thể trên các mặt:

- Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy nghề được nâng cao, hàng năm quan tâm huy động mọi nguồn lực về tài chính để mua sắm đầu tư trang thiết bị dạy nghề, chỉnh trang cơ sở vật chất, xây dựng kế hoạch và

có giải pháp thực hiện tốt kế hoạch về đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho dạy nghề; cơ bản đã đáp ứng yêu cầu.

- Đội ngũ giáo viên được tăng lên hàng năm cả về số lượng và chất lượng; Quan tâm tốt đến công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề. Tạo điều kiện tối đa có thể cho cán bộ, giáo viên làm việc và cống hiến cho hoạt động dạy nghề.

- Đã thực hiện chương trình giảng dạy, xây dựng chương trình và giáo trình đúng hướng dẫn của Sở Lao động –TB&XH, thực hiện giảng dạy theo đúng chương trình và giáo trình đã ban hành; Thực hiện nghiêm thời gian học, tổ chức kiểm tra, thi kết thúc cuối khóa theo quy đúng định.

- Công tác quản lý kinh phí nhà nước cấp cho dạy nghề thực hiện đúng quy định, không có sai phạm trong thời gian qua.

Kết quả dạy nghề đã đạt được do Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Hiệp Hòa cung cấp:

- Dạy nghề cho nhóm lao động chuyển đổi nghề gồm các nghề Điện công nghiệp có 286 học sinh, với 189 học sinh có việc làm ổn định đạt 66%; nghề may công nghiệp có 3.369 học sinh, với 2.410 có việc làm ổn định, chiếm 71,5%; nghề hàn có 1.222 học viên, trong đó 1.110 học viên có việc làm ổn định, chiếm 90,5%.

- Dạy nghề cho nhóm lao động trong các làng nghề: nghề mộc mỹ nghệ có 894 học sinh, trong đó 715 học sinh làm đúng nghề có việc làm ổn định, nghề thêu 525 học sinh, 445 có việc làm trong các làng nghề.

- Dạy nghề cho lao động trong vùng chuyên canh và lao động thuần nông có 2.752 học viên, 1.130 đang làm việc tại các vùng chuyên canh trồng dâu nuôi tằm, trồng rau...

- Đặc biệt năm 2014 đã đào tạo tin học văn phòng cho 120 học viên trong đó 52 học viên là cán bộ, công chức xã.

Có được kết quả ấy, nguyên nhân chính là do Ban giám đốc các trung tâm đã vận dụng linh hoạt phương pháp kết hợp hài hoà giữa năng lực của trung tâm với năng lực của các đơn vị cộng tác. Cụ thể, các trung tâm đóng vai trò hướng dẫn và chỉ đạo, trung tâm đã tập huấn, bồi dưỡng cho 100% số đơn vị cộng tác, ra các văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết, kiểm tra giám sát nghiêm túc. Vì vậy, trong những năm qua mặc dù số lượng giáo viên còn ít nhưng hoạt động dạy nghề được các trung tâm hoàn thành xuất sắc, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển sinh và đào tạo do Sở Lao động – TB&XH giao.

Bên cạnh đó, tập thể giáo viên của các trung tâm rất chú trọng công tác marketing trong tuyển sinh, nhiệt tình tâm huyết với công việc, không ngại khó khăn, gian khổ trực tiếp lặn lội đến các thôn, làng trong toàn huyện để thông báo tuyển sinh. Ban giám đốc đã có mối quan hệ chặt chẽ với các ban ngành của 26 xã, thị trấn trong toàn huyện. Các trung tâm luôn luôn xác định rõ khách hàng mình chính là sản phẩm của mình và là uy tín, là sự tồn tại của trung tâm. Vì vậy trong suốt quá trình học viên được đào tạo, Ban giám đốc đã sát sao trong từng công việc, không quản ngại khó, khổ, ngày, đêm, kể cả ngày lễ và chủ nhật đều tận dụng tối đa công suất hoạt động của các trang thiết bị và phòng thực hành để tạo điều kiện cho người học được thực hành nhiều nhất. Vì vậy, số học sinh học nghề có việc làm tương đối cao. Chính sự thành công của các em là những bằng chứng cụ thể, là những tuyên truyền viên tích cực cho phát triển đào tạo nghề tại các TTDN.

2.4.2. Những tồn tại và nguyên nhân

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật nói trên công tác đào tạo nghề trong những năm qua, trong quá trình khảo sát chúng tôi thấy còn một số tồn tại sau cần được khắc phục:

Công tác tuyên truyền và tư vấn nghề nghiệp: bên cạnh những kết quả đạt được công tác tuyên truyền tại một số nơi chưa thường xuyên, sâu rộng; đến nay vẫn còn một bộ phận lao động nông thôn chưa nắm biết cụ thể về các chính sách hỗ trợ dạy nghề theo Quyết định 1956. Công tác tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn còn mang tính hình thức; chưa cung cấp kịp thời cho lao động nông thôn những thông tin cần thiết: như thông tin về các nghề mà doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, mức lương tối thiểu doanh nghiệp trả, thông tin về quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sản xuất...

Nhìn chung, cơ sở vật chất của các TTDN còn quá nghèo nàn biểu hiện ở cả 2 phương diện là cơ sở hạ tầng và trang thiết bị giảng dạy. Hệ thống trường lớp thiếu thốn, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy, thực hành thiếu nhiều, không đồng bộ, hiện đại, chưa cập được với công nghệ của DN.

Việc lựa chọn mô hình đào tạo phù hợp với từng đối tượng học nghề chưa được quan tâm, vẫn thực hiện phương thức dạy nghề mang nặng tính hành chính, không sát thực tế, chưa xuất phát từ nhu cầu thị trường lao động, chưa đáp ứng được yêu cầu của người học và người sử dụng lao động.

Chỉ tiêu dạy nghề vẫn được xây dựng theo quy trình ngược tức là Sở Lao động -TBXH phân bổ chỉ tiêu cho các TTDN. Đúng ra phải làm thuận theo quy trình: Các TTDN khảo sát nhu cầu người học và thị trường lao động xây dựng nghề học và chỉ tiêu đào tạo tại đơn vị mình, gửi Sở Lao động – TBXH thẩm định và giao chỉ tiêu theo yêu cầu của các TTDN.

Đa số cơ sở dạy nghề có quy mô nhỏ, năng lực đào tạo còn hạn chế, ít ngành nghề kỹ thuật cao, chất lượng ngành nghề đào tạo chưa đáp ứng kịp nhu cầu xã hội.

Đội ngũ giáo viên còn thiếu nghiêm trọng, nhiều giáo viên mới ra

trường, thiếu kiến thức và kinh nghiệm thực tế, đang trong thời kỳ học tập để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Giáo viên chưa thật giỏi về lý thuyết, chưa thực sự tinh thông về thực hành. Cơ cấu chưa đồng đều các bộ môn, những nghề mang tính chất mũi nhọn hầu như thiếu giáo viên cơ hữu chủ yếu là hợp đồng, đội ngũ giáo viên dạy thực hành của các trung tâm là hợp đồng, thuê, mượn 100% . Vì thế, các trung tâm phải thay đổi đội ngũ này thường xuyên dẫn đến trách nhiệm của giáo viên chưa thật sự cao, gây tâm lý chán nản cho học sinh, gây khó khăn, bị động cho công tác điều hành và quản lý, cản trở việc thực hiện nền nếp và rèn luyện tính quy phạm của học sinh.

Trong những năm qua, các TTDN cấp huyện đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện của các cấp, các ngành và có đầy đủ khung hành lang pháp lý để hoạt động. Tuy nhiên cơ chế chính sách vẫn chưa đủ mạnh để nâng cấp các TTDN trở thành những trung tâm tâm cỡ, đôi khi có một số chủ trương đã ấn định thời gian thực hiện nhưng rồi lại bị lãng quên; có một số chính sách không đồng bộ giữa các cấp, các ngành làm cho các trung tâm khó thực hiện; có những chủ trương làm dao động tư tưởng về sự tồn tại của trung tâm khiến cho đội ngũ giáo viên có những người chưa thật sự gắn bó, thậm chí có người còn muốn chuyển đơn vị công tác.

Về phong tục tập quán, Hiệp Hòa là một huyện thuần nông, người dân đại đa số sinh sống bằng nghề trồng lúa nước, địa bàn đất chật người đông, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ. Vì vậy cuộc sống của người dân lao động về cơ bản là nghèo, đặc điểm ấy ít nhiều có ảnh hưởng đến tầm nhìn của người dân trong công tác dạy nghề. Qua khảo sát thực tế 100 hộ có con tham gia học nghề tại các DN chúng tôi thấy nhìn chung tư tưởng của người dân mang đậm phong tục tập quán của vùng quê nông

nghiệp sản xuất manh mún, nhỏ lẻ và nghèo túng, họ cần cù chịu thương, chịu khó, nhưng tác phong lại chậm chạp, tính kỷ luật trong lao động không cao, sức ỳ lớn, không nhanh nhạy trong cơ chế thị trường, tầm nhìn ngắn, mang nặng tư tưởng "li nông bất li hương", không muốn con em mình lao động xa nhà. Từ những đặc điểm ấy dẫn đến một thực tế có nhiều người lao động đã qua đào tạo, đã được sắp xếp việc làm ổn định trong các khu công nghiệp, sau một thời gian làm việc đã tự động bỏ về.

Tiểu kết chương 2

Như vậy trong chương 2 tác giả đã giới thiệu tổng quan về huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của huyện để thấy rằng Hiệp Hòa là huyện có khả năng phát triển các ngành nghề và phát triển các khu công nghiệp. Tiếp đến tác giả đã phân tích thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện từ 2010 đến 2014 trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Nhu cầu đào tạo nghề địa phương; theo kết quả khảo sát của Sở lao động thương binh xã hội Bắc Giang, tác giả đã nghiên cứu và phân tích nhu cầu đào tạo nghề tại huyện Hiệp Hòa.

- Hình thức đào tạo nghề trên địa bàn huyện: tác giả tổng hợp và phân loại các hình thức đào tạo hiện có, chia làm 3 loại phân theo thời gian, hình thức tổ chức và theo nguồn kinh phí

- Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn: tác giả đã thống kê các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn huyện

- Năng lực đào tạo của hệ thống đào tạo cơ sở địa phương: tác giả đã nghiên cứu tìm hiểu đánh giá về hệ thống cơ sở vật chất của các cơ sở, cán bộ quản lý và giáo viên, kết quả đào tạo của các trung tâm và hiệu quả đào tạo

Ngoài ra tác giả đã chỉ ra một số mặt đạt được và chưa đạt được trong đào tạo nghề tại huyện. Những đánh giá trên đây là cơ sở để tác giả xây dựng các giải pháp phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

3.1. Quan điểm chỉ đạo và phương hướng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa

3.1.1. Các quan điểm chỉ đạo về phát triển đào tạo nghề trong giai đoạn 2010 – 2015 và tầm nhìn 2020

Các TTDN cấp huyện thực hiện nhiệm vụ của dạy nghề, giới thiệu việc làm, do vậy luôn luôn phải bám sát các quan điểm chỉ đạo, điều hành của các cấp các ngành. Khi nghiên cứu về các quan điểm chỉ đạo, về mục tiêu, nhiệm vụ, chúng ta đồng thời phải nghiên cứu tới tất cả các quan điểm chỉ đạo gắn với điều kiện cụ thể của từng TTDN.

Đảng và Nhà nước ta coi phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố có tính chất quyết định để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Nghị quyết Đại hội X của Đảng xác định: Tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho xuất khẩu lao động; tạo chuyển biến căn bản về chất lượng dạy nghề tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Kết luận của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, khoá VIII, nêu rõ: Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, kể cả những nghề thuộc lĩnh vực công nghệ cao; chú trọng xây dựng một số trường dạy nghề đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Tăng nhanh quy mô công nhân và cán bộ kỹ thuật lành nghề ở những lĩnh vực công nghệ cao, tiếp nhận trình độ tiên tiến thế giới.

- Quan điểm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Bắc Giang: ngày 20/9/2010 Ban thường vụ tỉnh uỷ đã có Nghị quyết số 16/NQ-TU về phát triển đào tạo dạy nghề 2010 – 2015 và định hướng năm 2020,

ngày 23/11/2010 UBND tỉnh đã có Quyết định số 1104/2010/QĐ-UB phê duyệt quy hoạch hệ thống các cơ sở dạy nghề tỉnh Bắc Giang 2010 – 2015. Quan điểm của tỉnh trong những năm tới là việc chọn nghề và học nghề là quyền tự do của mỗi người lao động nhưng các cấp các ngành, các đoàn thể xã hội phải có trách nhiệm trong việc hướng nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động ở khắp mọi vùng miền trong tỉnh có điều kiện học nghề và tìm việc làm.

- Ban Thường vụ tỉnh uỷ yêu cầu tất cả các ngành, các cấp phải làm tốt hơn nữa trong công tác dạy nghề giải quyết việc làm cho người lao động góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế xã hội của tỉnh, các TTDN trong tỉnh căn cứ vào quy hoạch chung của tỉnh phải xây dựng kế hoạch cụ thể, từng bước tổ chức tiến hành đầu tư, nâng cấp để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Đang ĐT

- Quan điểm chỉ đạo của huyện là căn cứ vào Nghị quyết 16/TV-TU và Quyết định 1104/2010/QĐ-UBND, Sở Lao động - Thương binh & Xã hội

• Dự báo phát triển đào tạo nghề tại các TTDN ở Hiệp Hoà

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp; Kết luận Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết T.Ư 2 (khoá VIII) phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020; Nghị quyết lần thứ 6 Ban chấp hành TW Đảng khoá X về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2011-2020; Dự thảo Chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011-2020; Quyết định 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, nhu cầu lao động cho các ngành kinh tế của huyện và tỉnh; Tổng hợp thông tin phiếu điều tra về nguyện vọng được đào

tạo, Phòng Lao động huyện Hiệp Hòa đưa ra dự báo phát triển đào tạo nghề như sau:

Bảng 2.19: Ngành nghề đào tạo giai đoạn 2015 - 2020

Ngành nghề	Ghi chú	Ngành nghề	Ghi chú
1. Điện công nghiệp	Đang ĐT	8. Xây dựng dân dụng, công nghiệp	Mở mới
2. Mộc mỹ nghệ	Đang ĐT	9. Sửa chữa khai thác thiết bị cơ khí	Mở mới
3. Trồng trọt, chăn nuôi	Đang ĐT	10. Đào tạo lái xe ô tô	Mở mới
4. May công nghiệp	Đang ĐT	11. Kế toán	Mở mới
5. Hàn	Đang ĐT	12. Ngoại ngữ	Mở mới
6. Thêu	Đang ĐT	13. Cấp thoát nước	Mở mới
7. Tin học văn phòng	Đang ĐT	14. Liên kết đào tạo các loại hình	Mở rộng

(Nguồn: Kết quả điều tra Phòng LĐ-TB&XH Hiệp Hòa)

***Dự báo về quy mô tuyển sinh:**

Căn cứ vào nguồn lực hiện có của các TTDN và những phân tích ở trên, dự báo quy mô tuyển sinh thể hiện ở bảng sau:

Bảng 4.15: Dự báo quy mô tuyển sinh theo các ngành nghề

Theo ngành chuyên môn	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số:	3200	3800	4090	4230	4610
1. Điện công nghiệp	100	200	200	200	250
2. Mộc mỹ nghệ	250	250	250	250	250
3. Trồng trọt, chăn nuôi	450	450	450	400	400
4. May công nghiệp	1500	1600	1600	1600	1700
5. Hàn	250	250	250	300	350
6. Thêu	100	120	120	120	120
7. Tin học văn phòng	100	100	100	110	110
8. Xây dựng dân dụng, công nghiệp	100	150	150	180	200

9. Sửa chữa khai thác thiết bị cơ khí	50	80	100	100	160
10. Đào tạo lái xe ô tô	50	150	150	250	300
11. Kế toán	50	50	80	80	80
12. Ngoại ngữ	50	50	90	90	90
13. Cấp thoát nước	60	150	200	200	200
14. Liên kết đào tạo các loại hình	150	200	350	350	400

(Nguồn: Kết quả điều tra Phòng LĐ-TB&XH Hiệp Hòa)

3.1.2. Phương hướng phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện

Với quan điểm phát triển dạy nghề theo hướng tạo cơ hội học tập cho mọi người, góp phần xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời; xây dựng hệ thống dạy nghề chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chuyển dạy nghề theo hướng cung (năng lực đào tạo sẵn có của cơ sở dạy nghề) sang dạy nghề theo hướng cầu (nhu cầu của thị trường lao động và xã hội); đầu tư trọng tâm, trọng điểm và đồng bộ (đồng bộ các yếu tố bảo đảm chất lượng: chương trình, giáo viên và cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị) theo hướng hiện đại hoá về các điều kiện để tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng.

Tổ chức đa dạng các loại hình chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ (nhất là trên lĩnh vực nông nghiệp nông thôn) để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho lực lượng lao động nông thôn được tiếp cận với khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, góp phần tăng năng suất vật nuôi cây trồng, nâng tỷ lệ thời gian làm việc của lao động nông thôn lên 78 - 80% đồng thời cũng là gián tiếp góp phần làm tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới xuống còn dưới 5%.

Đa dạng hoá các loại hình dạy nghề ngắn hạn, dạy nghề theo mô đun để tạo điều kiện cho một lực lượng đông đảo thanh niên trên toàn huyện có môi trường học nghề phù hợp để bổ sung nguồn lực lượng dồi dào này cho

sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội của huyện đề ra.

Trong giai đoạn 2011-2020 dạy nghề phải thực hiện được hai nhiệm vụ chiến lược cơ bản, đó là: đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh có trình độ cao, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cấp trình độ và có chất lượng cho các ngành, vùng kinh tế, đặc biệt là các ngành kinh tế mũi nhọn, vùng kinh tế trọng điểm, phục vụ có hiệu quả cho công nghiệp hoá đất nước và hội nhập. Mở rộng quy mô dạy nghề cho người lao động ở nông thôn nhằm đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông nghiệp, nông thôn, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo vững chắc, đảm bảo an sinh xã hội.

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao trong quy chế hoạt động của TTDN, các TTDN tích cực liên kết với các trường dạy nghề, các trường cao đẳng, đại học có uy tín để tiến hành mở các lớp dạy nghề dài hạn, các lớp trung học chuyên nghiệp, các lớp đại học tại chức - để góp phần nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên trên địa bàn toàn huyện.

Tổ chức lao động sản xuất và dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho sự nghiệp giáo dục: thành lập các xưởng vừa thực hành nghề, vừa làm dịch vụ tạo cơ hội thuận lợi cho học sinh có môi trường thực tập thực sự, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và học sinh khẳng định tay nghề trước những yêu cầu cụ thể của thực tế, đồng thời cũng là môi trường thí điểm tiếp cận với cơ chế thị trường, góp phần khẳng định sự tồn tại của nghề trong giai đoạn mới.

Đầu tư trang thiết bị, đầu tư con người để hình thành một phòng tư vấn nghề nghiệp "chuẩn", góp phần thiết thực vào công tác tư vấn nghề cho mọi đối tượng trên địa bàn toàn huyện (kể cả những đối tượng có nhu cầu

tư vấn lại, những đối tượng chuyển đổi nghề nghiệp).

3.2. Giải pháp phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa

Trước hết, cần có nhận thức đúng về vị trí, tầm quan trọng của đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những nhân tố quyết định đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế và lập thân, lập nghiệp đối với người lao động, nhất là thanh niên; Cần đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động, nhất là công nhân trẻ, công nhân từ nông dân, công nhân nữ; phát triển nhanh về quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, các vùng kinh tế động lực và cho xuất khẩu lao động để giải quyết cho được vấn đề hàng năm ở nước ta thiếu hằng trăm ngàn công nhân kỹ thuật, công nhân lành nghề ở các khu vực này; tạo chuyển biến căn bản về chất lượng dạy nghề, tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới để nước ta có đội ngũ công nhân có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp ngày càng cao, có khả năng tiếp thu nhanh và làm chủ công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.2.1 Đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về đào tạo nghề và xã hội hoá công tác dạy nghề

Nhằm huy động mọi nguồn lực, các thành phần kinh tế và các doanh nghiệp tham vào công tác dạy nghề, bằng nhiều nguồn lực đẩy mạnh đầu tư xây dựng mua sắm trang thiết bị công nghệ mới tiếp cận với các doanh nghiệp, trang bị những phương tiện giảng dạy hiện đại, hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành và cơ sở thực tập đáp ứng yêu cầu chất lượng đào tạo.

Mỗi tổ chức đoàn thể phải xây dựng mạng lưới đội ngũ tuyên truyền

viên là cán bộ ban thường vụ, ban chấp hành nhiệt tình, hăng say với phong trào, hoạt động ổn định và được bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ để nắm chắc các chủ trương chính sách về đào tạo nghề, về kế hoạch phát triển kinh tế của địa phương và cách tư vấn lựa chọn nghề để học. Người cán bộ tuyên truyền, tư vấn ở các cơ sở phải làm chuyên biến, thôi thúc cho đoàn viên, hội viên tích cực tham gia học nghề, coi đó là quyền lợi và nghĩa vụ; phải trả lời, giải đáp về những chính sách cho học nghề, học nghề ở đâu; cùng bàn bạc với họ về lựa chọn nghề để học và có trách nhiệm với quyết định của mình.

Để có được đội ngũ tuyên truyền viên có kỹ năng, hoạt động có hiệu quả, các cấp bộ đoàn thể phải lựa chọn, tạo dựng bồi dưỡng tập huấn thường xuyên cho họ; phối hợp với các cơ quan nhà nước xây dựng hệ thống tài liệu tuyên truyền, tổ chức tập huấn nghiệp vụ hàng năm. Bên cạnh đó, mỗi đoàn thể cần biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, mở các hội thi người tuyên truyền, tư vấn giỏi để trao đổi phổ biến nhân rộng các điển hình tốt, tạo cơ hội cho xã hội tôn vinh họ.

Trong quá trình tuyên truyền tư vấn về học nghề, các tổ chức đoàn thể cũng cần phải tránh khuynh hướng vận động theo phong trào, học nghề nhưng không gắn với giải quyết việc làm mà phải tiếp tục quan tâm chăm lo giúp cho đoàn viên, hội viên khi học nghề xong có điều kiện để sản xuất, việc làm như đứng ra tín chấp cho vay vốn phát triển sản xuất; đề xuất với chính quyền giúp đỡ về đất đai để tổ chức sản xuất kinh doanh; cùng với chính quyền địa phương tìm việc làm mới trong các khu công nghiệp, nhà máy, doanh nghiệp hoặc tạo những điều kiện làm việc mới cho họ.

Xác lập và duy trì mối quan hệ với doanh nghiệp, cơ quan tổ chức, và cộng đồng dân cư trong địa bàn huyện hướng đến việc hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp qua các hình thức: Doanh nghiệp hỗ trợ phát triển Trường

(tài trợ học bổng, viện trợ thiết bị, tặng các phần mềm phục vụ đào tạo...) tham gia vào quá trình đào tạo của trường (tư vấn xây dựng chương trình đào tạo, cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, tư vấn định hướng việc làm, hỗ trợ cán bộ có trình độ chuyên môn tham gia giảng dạy, hỗ trợ nơi thực tập...) và nhận học sinh, sinh viên tốt nghiệp về làm việc; Thành lập và đưa vào hoạt động các trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ làm cầu nối giữa nhà trường với cộng đồng trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

Để công tác tuyên truyền có hiệu quả thì cần phải có sự tham gia của các cơ quan thông tin đại chúng, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giúp lao động nông thôn tiếp cận được chính sách về đào tạo nghề, nắm được kế hoạch đào tạo nghề của tỉnh và của các cơ sở dạy nghề.

Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp Đài phát thanh truyền hình Hiệp Hòa tuyên truyền sâu rộng mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình; các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dạy nghề thông qua các bản tin, thông qua các phóng sự, ký sự, bản tin văn....

Các cấp hội: Hội nông dân, Phụ nữ, Đoàn thanh niên triển khai công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề tới tất cả hội viên; tư vấn, vận động hội viên tích cực tham gia học nghề để tạo việc làm tăng thu nhập góp phần xóa đói, giảm nghèo.

Các cơ sở dạy nghề chủ động thực hiện công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề dưới nhiều hình thức như: mở Hội nghị tuyên sinh tại các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở; tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua Website của cơ sở dạy nghề, thông qua sàn giao dịch việc làm....

Đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các cơ sở dạy nghề chủ động phối hợp với UBND các xã, phường thị trấn xuống các thôn bản tư vấn trực tiếp cho người lao động về nghề nghiệp và việc làm đồng thời thông tin về chỉ tiêu và tuyển sinh đào tạo tại chỗ.

3.2.2. Xác định nhu cầu nguồn nhân lực theo cơ cấu nghề, trình độ đào tạo để từng bước đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động

Quy mô đào tạo nghề tăng nhanh không cân đối với điều kiện bảo đảm chất lượng dẫn đến việc còn khoảng cách khá rộng giữa số lượng và chất lượng đào tạo. Các cơ sở dạy nghề tăng cường tư vấn tuyển sinh, mời học sinh phổ thông tham quan thực tế trang thiết bị các cơ sở dạy nghề giúp các em hiểu biết, thích học nghề; Thực hiện tuyển sinh nhiều lần trong năm, nếu đủ thủ tục pháp lý cấp ngay giấy báo nhập học; đa dạng hóa phương thức đào tạo: chính quy, vừa học vừa làm, ngắn hạn, dài hạn, liên thông trình độ cao hơn... để người học được thuận lợi.

Gắn với ưu tiên giải quyết việc làm với hình thức đào tạo theo địa chỉ; Cần tăng cường liên kết với các trường, các ban quản lý khu công nghiệp, các doanh nghiệp trong, ngoài nước cho định hướng và mục tiêu đào tạo; nắm nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp để tuyển sinh đào tạo, cho học sinh tham quan, thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp; giới thiệu tuyển lao động là học sinh của trường cũng như trong việc đào tạo mới, đào tạo nâng cao cho lực lượng lao động của các doanh nghiệp. Thường xuyên thăm dò ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp nhằm cập nhật cải tiến, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo.

Các TTDN tận dụng khả năng, cơ sở của mình để tham gia sản xuất sản phẩm cho thị trường mà không phải chịu thuế để kết hợp học với hành, góp phần nâng cao thu nhập cho giáo viên, để nâng cao chất lượng đào tạo cần đầu tư thêm vật tư thực hành cho người học trong điều kiện giá cả

biến động.

Xúc tiến nhanh, mạnh hơn nữa việc đổi mới nội dung chương trình đào tạo theo hướng giảm lý thuyết, tăng thực hành, đào tạo đội ngũ chuyên gia nghiên cứu thiết kế và phát triển chương trình trên cơ sở khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp, các cơ sở công nghiệp...theo hướng đa dạng ngành nghề, mềm dẻo chương trình, linh hoạt trong liên kết để đáp ứng nhu cầu người học.

Nhanh chóng chuyển đổi phương thức dạy nghề từ hướng cung sang hướng cầu theo 3 cấp độ: dạy nghề đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế, bảo đảm sự cân đối giữa đào tạo và sử dụng, đáp ứng có hiệu quả nguồn nhân lực có chất lượng cao cho yêu cầu phát triển của nền kinh tế; Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dạy nghề, thực hiện tốt cơ chế kiểm định đánh giá chất lượng dạy nghề; Làm tốt công tác dự báo nhu cầu lao động theo ngành nghề, cấp trình độ ở từng vùng, khu vực cũng như trên phạm vi cả nước

3.2.3. Hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp đào tạo, nâng cao trình độ năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên

Hiện nay, nhu cầu học nghề của bộ phận lao động nông thôn bao gồm nhiều đối tượng, nhiều lứa tuổi khác nhau với mong muốn được học những ngành nghề sau này có cơ hội tìm kiếm việc làm với mức thu nhập cao. Để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cần phải tích cực rà soát, tìm hiểu nhu cầu đối tượng, và lứa tuổi có mong muốn học nghề, đồng thời cần phải nắm bắt rõ nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp trong địa bàn và các vùng lân cận, từ đó lên chiến lược nhằm mở rộng và phát triển các hình thức và ngành nghề đào tạo đáp ứng được những nhu cầu trên. Nội dung đào tạo cần phải thay đổi để phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Có như vậy mới tạo sự tin tưởng và thu hút được lực lượng lao động nông thôn đến học nghề, góp phần vào giải quyết vấn đề đào tạo nghề

cho lao động nông thôn.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, nâng chất giáo viên, cải tiến phương pháp giảng dạy nhất là dạy thực hành. Phải đặt người học vào vị trí TTDN, tăng cường trao đổi giữa giáo viên với người học, giữa người học với nhau, để hình thành nên mối quan hệ nhiều chiều, tạo tính chủ động, sáng tạo, tự tin và khả năng quyết tâm rèn luyện của người học; Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy giỏi về chuyên môn, thạo kỹ năng thực hành, nhanh nhạy nắm bắt nhu cầu của xã hội, mạnh dạn mời những nhà quản lý, cán bộ có trình độ chuyên môn, thợ lành nghề...

Muốn nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần phải tăng thêm chỉ tiêu biên chế cán bộ, giáo viên dạy nghề cho trung tâm có trình độ đạt tiêu chuẩn. Trong giai đoạn 2015 - 2020, các cơ sở đào tạo cần có kế hoạch:

- + Tiến hành điều tra, khảo sát, đánh giá đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề để có kế hoạch đào tạo và tuyển dụng đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu nghề đào tạo.

- + Bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng thường xuyên và bồi dưỡng nâng cao cho đội ngũ giáo viên dạy nghề.

- + Xây dựng các chương trình bồi dưỡng và cải tiến nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề cho giáo viên dạy nghề. Đa dạng hóa đối tượng tuyển sinh, giảm tỷ lệ học sinh phổ thông, thu hút các nghệ nhân, công nhân bậc cao, kỹ sư giỏi đã qua sản xuất có nguyện vọng làm giáo viên dạy nghề. Thời gian đào tạo cho các đối tượng này ngắn, chỉ tập trung vào đào tạo sư phạm kỹ thuật và bổ sung một phần kỹ năng, kiến thức. Chỉ có đa dạng hóa đối tượng tuyển sinh và thay đổi phương thức đào tạo ở các trường sư phạm kỹ thuật mới giải quyết được nhu cầu về giáo viên cho các cơ sở đào tạo nghề.

+ Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên phương pháp dạy mới, truyền đạt tích cực, chú trọng tính thực tế, thực hành và sử lý các tình huống trong công việc, phù hợp với đối tượng giảng dạy là người lớn.

+ Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và tư vấn chọn nghề, tìm và tự tạo việc làm cho lao động nông thôn sau khi học nghề cho cán bộ quản lý.

+ Tiếp tục ký hợp đồng dài hạn với những giáo viên có trình độ, có kinh nghiệm giảng dạy, nhiệt tình tâm huyết với nghề và cần có chế độ tiền lương thỏa đáng để họ yên tâm công tác. Ký hợp đồng với các giáo viên thỉnh giảng tham các lớp kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; ký kết với các thợ kỹ thuật lành nghề thêu ren tại các làng nghề ở địa phương.

Tổ chức thí điểm dạy nghề theo các mô hình: Dạy nghề cho lao động chuyển đổi nghề, lao động vùng chuyên canh,; lao động trong các làng nghề, lao động thuần nông, từ đó rút kinh nghiệm hoàn thiện và nhân rộng trên địa bàn toàn huyện và trong tỉnh.

Đổi mới căn bản phương pháp giảng dạy, thực hành theo phương pháp tiên tiến của các nước trong khu vực; Tăng thời gian thực hành, thực tập, giảm thời gian học lý thuyết để không ngừng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người học; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại trang thiết bị phục vụ dạy học, nghiên cứu khoa học, ứng dụng mạnh công nghệ vào giảng dạy, đầu tư nâng cấp thư viện, phòng thí nghiệm; Tăng cường quản lý chất lượng đào tạo, đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên kết quản lý chất lượng đào tạo với các đơn vị liên kết.

Xây dựng và hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo nghề, gắn chặt đào tạo lý thuyết với rèn luyện kỹ năng thực hành, gắn đào tạo nghề với rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; Tăng cường cơ sở vật chất, trang bị máy móc, thiết bị, phương tiện

phục vụ cho giảng dạy, học tập, từng bước tiếp cận với công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, sát hợp với yêu cầu thực tế sản xuất của thị trường lao động.

Đối với giáo viên dạy nghề, nghệ nhân, thợ bậc cao, cần tuyển dụng người có tuổi đời có thể trên 45 tuổi. Trong điều kiện hiện tại số giáo viên dạy nghề chưa đủ đáp ứng cho việc đào tạo. **Đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, lấy người học làm TTDN, dạy kiến thức gắn với kỹ năng và thực tế sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn.**

Các TTDN xây dựng thương hiệu cho mình: Xây dựng nội quy kỷ luật, cách thức đào tạo có chất lượng được xã hội và các doanh nghiệp chấp nhận. Ngoài việc trang bị kiến thức kỹ năng tay nghề còn phải quan tâm rèn luyện đạo đức nghề nghiệp tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, ngoại ngữ, thể chất cho học sinh giải quyết tốt đầu ra (việc làm) cho học sinh. **Đánh giá chất lượng học sinh một cách nghiêm túc, xử lý kỷ luật nghiêm kịp thời, duy trì tốt trật tự trị an trong nhà trường tạo niềm tin, yên tâm cho gia đình và học sinh.**

TTDN chủ động liên kết với các cơ sở khoa học, các doanh nghiệp, cơ quan, xí nghiệp, trường học... mời những người có kinh nghiệm về các lĩnh vực trên, tham gia tập huấn chuyên giao công nghệ giúp nông dân áp dụng các tiến bộ khoa học vào lĩnh vực sản xuất chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả vật nuôi cây trồng, hướng tới một nền sản xuất nông nghiệp hàng hoá, tạo môi trường làng nghề phát triển bền vững cả về mặt xã hội và môi trường.

Lập kế hoạch khảo sát chi tiết sự phát triển của các làng nghề, dự báo xu thế phát triển của các làng nghề trong thời gian tới, đề ra các giải pháp hữu hiệu giúp các làng nghề phát triển bền vững, từ đó góp phần tăng tỷ lệ thời gian sử dụng của lao động nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo,

tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Phải đa dạng hoá các loại hình đào tạo nghề ngắn hạn, đào tạo nghề theo mô đun, phát huy những kết quả đạt được trong những năm qua, tập trung đào tạo các nghề mà xã hội đang cần như các nghề may công nghiệp, hàn xì, xây dựng.

Thường xuyên chú trọng đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo, luôn luôn coi “ khách hàng”(người học nghề) của trung tâm cũng là “sản phẩm” của trung tâm. Uy tín của trung tâm được tạo dựng chính là chất lượng mà "sản phẩm" của trung tâm tạo ra. Vì vậy, các trung tâm phải có chiến lược lâu dài, đặc biệt chú trọng đến vấn đề chất lượng đào tạo - đây là điều kiện sống còn quyết định đến sự tồn tại của trung tâm .

Từng bước có kế hoạch khảo sát chất lượng việc làm đối với những người đã học nghề tại trung tâm, lập kế hoạch khảo sát thị trường lao động và việc làm, dự báo xu thế phát triển của nền kinh tế địa phương và đất nước, khảo sát nguồn lực lao động và chất lượng lao động của địa phương, từ đó đề ra các giải pháp hữu hiệu giúp cho việc dạy nghề sát thực với nhu cầu thực tế.

3.2.4. Giải pháp đối với các loại hình đào tạo

Tăng cường liên kết đào tạo, đổi mới phương thức liên kết đa dạng các loại hình đào tạo, mềm hoá thời gian học, học thứ bảy, chủ nhật, học trong giờ hành chính, học ngoài giờ hành chính.

🚩 Liên kết đào tạo nghề dài hạn và dạy các lớp trung cấp tại TTDN

Chú trọng tới việc nâng cao chất lượng, tạo môi trường thuận lợi nhất để học viên được tiếp cận nhiều nhất với xưởng thực hành; Tiếp tục liên kết với các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề mở các lớp trung cấp nghề đối với các nghề mà xã hội đang có nhu cầu cao về nguồn nhân lực có chất

lượng.

Các TTDN có kế hoạch mở rộng liên kết với các trường nghề để mở thêm các lớp nghề dài hạn, linh động về thời gian học, có thể học buổi tối, học vào ngày nghỉ (chú ý tới việc đa dạng các lớp nghề dài hạn đáp ứng nhu cầu của số lượng học sinh muốn học lên trình độ cao hơn).

✚Thành lập các xưởng lao động sản xuất kết hợp với làm dịch vụ

Các giải pháp trước mắt đối với việc hình thành xưởng lao động sản xuất kết hợp với làm dịch vụ là để tạo môi trường thực tập và trực tiếp va chạm với thực tiễn sản xuất, cho giáo viên và học sinh học nghề, từ đó rút ra các định hướng đúng đắn trong công tác dạy nghề cho sát thực với điều kiện thực tế của địa phương. Trước mắt là đầu tư kinh phí để thành lập được các xưởng thực hành may công nghiệp, thêu tay, hàn xì, sửa chữa xe máy, mộc dân dụng... Từng bước đưa các xưởng vào tham gia các hoạt động dịch vụ sản xuất tạo ra sản phẩm và trực tiếp cung cấp sản phẩm ra thị trường, coi đây là môi trường cụ thể để giáo viên, học sinh rèn luyện kỹ năng thực hành, cọ sát với nền kinh tế thị trường, khẳng định sự tồn tại của nghề và nhu cầu thực tế của xã hội đối với các nghề mà các trung tâm đang dạy.

Phải tập trung đầu tư trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng khang trang đủ rộng, đội ngũ giáo viên thực hành thực sự giỏi cho hoạt động này, tiến tới từng bước cho các xưởng tự hạch toán kinh doanh dưới sự điều tiết mang tính sư phạm của các trung tâm.

3.2.5. Giải pháp đối với từng nhóm đối tượng lao động nông thôn

✚Đối với nhóm lao động thuần nông

Đối với lao động thuần nông cần phải huấn luyện cho người lao động nâng cao chất lượng lao động, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa ngành nông nghiệp, vì vậy cần tập trung vào:

-Đào tạo, huấn luyện cho người nông dân phát triển các ngành nghề đặc trưng của địa phương như: trồng rau cao cấp, rau chất lượng cao (đưa chuột bao tử, cà chua, ngô rau,...) với công nghệ sạch. Chăn nuôi theo phương pháp và quy mô công nghiệp như: lợn nạc, gia cầm siêu thịt, siêu trứng,...

-Đào tạo nghề cho người nông dân thông qua các dự án phát triển việc làm, xóa đói giảm nghèo của địa phương

+Đối với nhóm lao động trong khu vực có ngành nghề

Hiệp Hòa có một số làng nghề truyền thống hiện đang được quan tâm đầu tư phát triển, để nâng cao tỷ lệ lao động tham gia vào việc học nghề cũng như chất lượng đào tạo thì cần phải tập trung vào các vấn đề sau:

-Khuyến khích chủ cơ sở dạy nghề tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống

-Đào tạo nghề truyền thống tại các Trung tâm dạy nghề huyện

-Đào tạo chủ các cơ sở ngành nghề truyền thống

+Đối với nhóm lao động chuyển đổi nghề

Đối với nhóm lao động này, huyện cần phải định hướng ngành nghề tạo cho địa phương, xác định được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp địa phương để có kế hoạch thực hiện đào tạo cho nông dân.

3.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Với đặc trưng của đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn là có nguồn kinh phí riêng đầu tư cho cơ sở dạy nghề, ưu đãi cho giáo viên và cho người học nghề thì công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy nghề dành riêng cho lao động nông thôn là rất cần thiết. Cần tập trung vào các vấn đề sau:

+ Xây dựng tiêu chí kiểm tra, giám sát, đánh giá đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện dựa trên sự hướng dẫn của tỉnh.

+ Xây dựng phương pháp thu thập và xử lý thông tin, xây dựng phần mềm quản lý đề án cấp huyện

+ Hoàn thành hoạt động điều tra, khảo sát, tổng hợp số liệu làm cơ sở xây dựng đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện, xã.

+ Rà soát lại mạng lưới cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn huyện, xác định và đầu tư trung tâm dạy nghề kiểu mẫu.

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đề án ở các cấp hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ.

+ Báo cáo, tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nội dung đề án; tình hình quản lý và sử dụng ngân sách của đề án.

+ Kiểm tra giám sát về các đối tượng được hưởng lợi ích từ đề án, trong đó chú ý đến lợi ích của cán bộ giáo viên và lợi ích của học viên.

Để làm tốt công tác quản lý hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tỉnh cần bố trí cán bộ chuyên trách công tác đào tạo nghề thuộc phòng Lao động- Thương binh và Xã hội cấp huyện. Huyện tiến hành rà soát và bổ sung giáo viên dạy nghề cho các trung tâm dạy nghề cấp huyện.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở các nội dung phân tích thực trạng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa và các mục tiêu, phương hướng đối với đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện, tác giả đã xây dựng một số giải pháp để phát triển đào tạo nghề tại huyện, gồm:

-Xây dựng chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn cụ thể, rõ ràng

-Đối với người học nghề cần phải hỗ trợ và khuyến khích động viên.

-Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn và xã hội hoá công tác dạy nghề

-Xác định nhu cầu nguồn nhân lực theo cơ cấu nghề, trình độ đào tạo

-Hoàn thiện *nội dung, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp đào tạo, nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên*

-Đẩy mạnh mối liên kết giữa doanh nghiệp và các cơ sở, trung tâm dạy nghề

-Đối với mỗi nhóm đối tượng lao động nông thôn cần có những chính sách phù hợp

Để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện không chỉ cần sự nỗ lực của bản thân chính quyền địa phương mà còn cần sự hỗ trợ từ phía nhà nước, các cơ quan ban ngành địa phương và sự phối hợp của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

Trên đây là một số giải pháp tác giả đưa ra, do hạn chế về thời gian và hiểu biết nên các giải pháp trên có thể chưa đi vào chi tiết nhưng mang tính chất tham khảo cho địa phương, góp phần phát triển công tác đào tạo nghề địa phương

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Phát triển đào tạo nghề là rất cần thiết trong việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp CNH - HĐH đất nước khi Việt Nam đang trong giai đoạn của hội nhập kinh tế Quốc tế. Tuy nhiên phát triển đào tạo nghề hiện nay vẫn còn gặp nhiều thách thức, vừa phải mở rộng quy mô đào tạo vừa phải đảm bảo có chất lượng trong đào tạo và phát huy hiệu quả đào tạo thì mới đáp ứng được yêu cầu của xã hội, vì khi đã đáp ứng được yêu cầu của xã hội thì đào tạo nghề mới phát triển được. Việc đề ra các giải pháp phát triển đào tạo nghề trong giai đoạn từ nay đến 2015 một cách có cơ sở khoa học là hết sức cấp bách và có ý nghĩa rất thiết thực góp phần thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH đất nước.

Những năm qua, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang đã cung cấp cho huyện và các vùng lân cận một nguồn nhân lực có trình độ nghề khá lớn cả về số lượng và chất lượng. Hàng năm các TTDN đã đào tạo và cung cấp cho huyện và các vùng lân cận một nguồn nhân lực có trình độ nghề và chất lượng đào tạo ngày càng được nâng lên. Tuy nhiên, trong những năm tới các TTDN cần phải nỗ lực hơn nữa để đáp ứng tốt được nhu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Đề tài đã làm rõ các cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển đào tạo, TTDN, thị trường lao động... từ đó nghiên cứu quá trình phát triển đào tạo tại các TTDN từ đó chỉ ra những thách thức, khó khăn và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển đào tạo nghề ở địa phương như: Cơ sở vật chất còn hạn chế, thiếu thôn, không đồng bộ, chưa cập với công nghệ của DN sử dụng lao động; phát triển chương trình đào tạo nghề chưa được thực hiện theo hướng hiện đại, liên thông, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; đội

ngũ giáo viên còn hạn chế về năng lực thực hành và nghiên cứu khoa học. Hiện nay các TTDN vẫn tổ chức dạy nghề theo phương thức cứng, hành chính, lãng phí thời gian và kinh phí của nhà nước và nhân dân. Việc dạy nghề theo mô hình là rất cần thiết, nó góp phần nâng cao chất lượng dạy nghề và phát triển dạy nghề.

Với thực trạng và những nhân tố ảnh hưởng trên tới việc phát triển đào tạo nghề tại các TTDN của huyện, tác giả đã đưa ra được những giải pháp cơ bản để phát triển đào tạo trong giai đoạn tới đó là: Xác định nhu cầu nguồn nhân lực theo cơ cấu nghề, trình độ đào tạo để từng bước đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; Hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp đào tạo, nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên; tăng cường liên kết, đa dạng hóa các loại hình liên kết; Thành lập các xưởng lao động sản xuất kết hợp với làm dịch vụ; Đẩy mạnh xã hội hoá công tác dạy nghề.

2. Khuyến nghị

Đối với các cơ quan Nhà nước, bộ ngành Trung ương

Trong thời kỳ đất nước đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, chúng tôi mạnh dạn đưa ra các kiến nghị Đảng, Nhà nước, Quốc hội, các Bộ ngành TW cần có chủ trương, chính sách hàng đầu “ Phổ cập nghề cho người lao động ” là rất bức xúc.

Cần có cơ chế, chính sách tạo điều kiện tốt cho các TTDN liên kết đào tạo nhằm phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của xã hội; xây dựng các mô hình, hình thức và phương thức hợp tác, gắn kết giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo để nâng cao khả năng có việc làm cho người lao động sau khi được đào tạo; Phát triển mạnh các cơ sở dạy nghề tại doanh nghiệp để đào tạo nghề cho doanh nghiệp và cho xã hội và khuyến khích phát triển đào tạo nghề tại dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp.

Cần đẩy mạnh xã hội hoá công tác phát triển đào tạo nghề, huy động các nguồn lực trong xã hội và cộng đồng quốc tế cho phát triển đào tạo nghề; Tạo sự bình đẳng giữa TTDN công lập và TTDN ngoài công lập trong dạy nghề (đào tạo, bồi dưỡng giáo viên CBQL; đặt hàng đào tạo...).

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế cho phát triển đào tạo nghề, nhất là cơ chế tài chính đảm bảo lợi ích đối với người dạy nghề, người học nghề, người lao động qua đào tạo nghề (tiền lương, vinh danh...), chính sách đối với doanh nghiệp tham gia dạy nghề, tạo động lực cho việc dạy và học nghề. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với cả người học và cơ sở dạy nghề, trong đó có cho vay ưu đãi để học nghề, Tăng cường vai trò của cộng đồng, của các đoàn thể, đặc biệt là các hội nghề nghiệp trong việc giám sát chất lượng đào tạo nghề.

Tổ chức nghiên cứu và triển khai các mô hình đào tạo nghề cho các đối tượng: Chuyên đổi nghề; lao động trong vùng chuyên canh, lao động trong các làng nghề, lao động thuần nông nhằm đáp ứng nhu cầu người học, tiết kiệm thời gian và kinh phí để phát triển đào tạo nghề.

🚩 Đối với Tỉnh Bắc Giang và Sở LĐTB&XH

Có chính sách khuyến khích các cơ sở đào tạo tận dụng khả năng, cơ sở của mình để tham gia sản xuất sản phẩm cho thị trường mà không phải chịu thuế để kết hợp học với hành, góp phần nâng cao thu nhập cho giáo viên. Trong điều kiện hiện tại số giáo viên dạy nghề chưa đủ đáp ứng cho việc đào tạo. Tiếp tục thực hiện chính sách cho người học nghề được vay vốn trong thời gian học và vốn giải quyết việc làm sau khi tốt nghiệp.

Sở LĐ - TBXH căn cứ vào chức năng quyền hạn của mình, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát tất cả các hoạt động của các cơ sở dạy nghề trong tỉnh; tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền; chỉ đạo tổ chức các hội thi giáo viên dạy nghề giỏi cấp cơ sở và cấp tỉnh...; Hàng năm giao kế hoạch

sớm, theo nhu cầu mà các cơ sở dạy nghề đề xuất; Tổ chức tổng kết đánh giá xếp loại nghiêm túc tất cả các hoạt động của các cơ sở dạy nghề trong tỉnh.

✚Đối với UBND huyện và các TTDN

Với tư cách là cơ quan trực tiếp quản lý, UBND huyện Hiệp Hoà, tạo điều kiện thuận lợi nhất về cơ sở vật chất, về mặt bằng đất đai, về cơ chế chính sách về nguồn lực con người, giúp các TTDN có điều kiện cần và đủ để thực hiện tốt các mục tiêu, giải pháp đã đề ra; Sớm nâng cấp các TTDN đủ điều kiện lên Trường trung cấp nghề.

Các TTDN cần phải có kế hoạch cụ thể cho từng năm, từng giai đoạn, tận dụng cao nhất các nguồn lực, phát huy nội lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà các TTDN đã đề ra; Chú trọng đổi mới và phát triển đào tạo nghề, đặc biệt quan tâm dạy nghề theo mô hình; Phải có lộ trình cụ thể để thực hiện thành công các giải pháp phù hợp với từng TTDN; Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên dạy nghề của các trung tâm, tiếp cận với thực tế, với thị trường. Thực hiện tốt các giải pháp đã được đề cập trong Luận văn này để phát triển đào tạo cho cơ sở dạy nghề của mình. Tóm lại: Để phát triển đào tạo nghề tại các TTDN ở huyện Hiệp Hoà đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp với sự quan tâm phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, mà nhân tố chính là sự quyết tâm cao và những nỗ lực phấn đấu của chính các TTDN trong việc chủ động thực hiện các mục tiêu chiến lược của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung Ương Đảng (2010), Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2011-2020
2. Bộ GD-ĐT (2000), *Tài liệu hướng nghiệp THPT- Nhà xuất bản Giáo dục năm 2000.*
3. Bộ Lao động - TB&XH (2007), Quy chế mẫu của Trung tâm DN, ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 14/5/2007
4. Bộ Lao động TB&XH (2011), Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề giai đoạn 2011-2022
5. PGS.TS Trần Xuân Cầu (2012), Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân
6. Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang - Phòng Thống kê huyện Hiệp Hòa (2014), Niên giám thống kê năm 2014
7. Ngô Tiên Dũng (2009), *Đánh giá hiệu quả và định hướng sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2015 huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang*, Luận văn Thạc sỹ nông nghiệp
8. Đảng CSVN (2005), Văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng
9. Đảng CSVN (2006), Nghị quyết lần thứ 6 Ban chấp hành TW Đảng khoá X về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH,HĐH đất nước
10. Đảng CSVN (2008), Kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết T.Ư 2 (Khoá VIII) phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020
11. Đảng bộ huyện Hiệp Hòa (2011), Văn kiện đại hội Đảng bộ huyện khóa XXII

12. Đàm Hữu Đắc (2008), *Đổi mới đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước*, Tạp chí Cộng sản số 9 – 2008.
13. Phạm Thị Thu Hà (2013), *Hoàn thiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại tỉnh Ninh Bình*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học kinh tế quốc dân.
14. Vũ Ngọc Pha (2005), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin*, NXB chính trị quốc gia, trang 185
15. Nghị định 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp
16. Ngô Chí Thành (2004), *Nghiên cứu phát triển các hình thức dạy nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa*, luận văn thạc sĩ kinh tế, trường đại học Nông nghiệp Hà Nội.
17. Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13
18. Thủ Tướng Chính Phủ (2009), Quyết định 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009
19. Nguyễn Tiếp (2011), *Giáo trình Nguồn nhân lực*, NXB Lao động xã hội
20. UBND huyện Hiệp Hòa (2014), *Tổng quan điều kiện tự nhiên và Kinh tế - Xã hội huyện Hiệp Hoà*, <http://hiephoa.bacgiang.gov.vn>
21. UBND huyện Hiệp Hoà (2014), *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện thời kỳ 2015 - 2020*
22. UBND huyện Hiệp Hoà (2014), *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT - XH, QPAN năm 2014; Nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH, QPAN năm 2015.*

